NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGÂN HÀNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

BẢN MÔ TẢ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
VÀ CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

NGÀNH : QUẢN TRỊ KINH DOANH

Mã ngành: 7340101

(Áp dụng từ khóa tuyển sinh 2024)

Thành phố Hồ Chí Minh, tháng năm 2024

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGÂN HÀNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC CHÍNH QUY

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 2068 /QĐ-ĐHNH, ngày 02 tháng 7 năm 2024 của Hiệu trưởng trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh)

- Tên chương trình (Tiếng Việt): Quản trị kinh doanh
- Tên chương trình (Tiếng Anh): Bachelor of Business Administration
- Trình độ đào tạo: Đại học
- Ngành đào tạo: Quản trị kinh doanh
- Mã ngành [1]: 7340101
- Hình thức đào tạo: Chính quy tập trung
- Chuẩn đầu vào: Thực hiện theo đề án tuyển sinh
- Thời gian đào tạo (theo thiết kế): 04 năm (08 học kỳ)
- Thời điểm cập nhật bản chương trình đào tạo: tháng 7 năm 2024

1. Mục tiêu của chương trình đào tạo (Program Objectives – PO):

1.1. Mục tiêu chung: (PO)

Sinh viên ngành Quản trị Kinh doanh tốt nghiệp nắm vững kiến thức nền tảng về kinh tế, xã hội tổng quát, kiến thức chuyên sâu về quản trị kinh doanh và điều hành doanh nghiệp hiện đại. Có phẩm chất đạo đức tốt của người làm kinh doanh, quản trị. Có năng lực nghiên cứu giải quyết vấn đề và thực hành nghề nghiệp trong kinh doanh, quản trị điều hành hiệu quả trong kỷ nguyên cách mạng công nghệ số.

1.2. Mục tiêu cụ thể: (POi)

PO1. Vận dụng kiến thức về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, chính trị và pháp luật và kiến thức chuyên sâu về nghề nghiệp để thực hiện các công việc trong lĩnh vực ngành nghề được đào tạo

PO2. Phẩm chất cá nhân, nghề nghiệp và khả năng định hướng phát triển nghề nghiệp thích nghi với thay đổi của môi trường kinh tế, xã hội, hội nhập quốc tế.

PO3. Kỹ năng tư duy, sáng tạo, phản biện, cộng tác làm việc nhóm giao tiếp chuyên nghiệp khi thực hiện các hoạt động nghề nghiệp.

[1] Mã ngành được ghi theo bảng mã ngành được Bộ Giáo dục và đào tạo quy định.

PO4. Năng lực về ngoại ngữ và công nghệ thông tin đáp ứng với môi trường làm việc chuyên nghiệp và hội nhập.

PO5: Xác định, đối chiếu, phân tích vấn đề chuyên môn nền tảng, chuyên sâu để thiết lập và tổ chức triển khai các giải pháp có hệ thống trong môi trường quản trị kinh doanh.

2. Chuẩn đầu ra (CĐR) của chương trình đào tạo (Program Learning Outcomes - PLOs) và Chỉ số đánh giá kết quả thực hiện (Performance Indicator – PIn):

Người học khi tốt nghiệp chương trình đào tạo ***ngành Quản trị kinh doanh*** của Trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh có khả năng: [2]

Ký hiệu CĐR (PLOs)	Ký hiệu CSĐG (PIn)	DỰ THẢO PLO/PI	Mức độ [3] đạt được	GHI CHÚ
PLO1		Vận dụng kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, chính trị và pháp luật để vận dụng vào những vấn đề cuộc sống và trong các hoạt động nghề nghiệp.	**3**	
	PI 1.1	Vận dụng phù hợp kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, chính trị và pháp luật phù hợp với bối cảnh xã hội và nghề nghiệp.	**3**	
	PI 1.2	Áp dụng kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên vào tính toán, thiết kế, phân tích, lập luận và giải thích các vấn đề trong lĩnh vực nghề nghiệp.	**3**	
PLO2		Vận dụng tư duy phản biện trong giải quyết các vấn đề nghề nghiệp.	**4**	
	PI 2.1	Phân tích thông tin, đánh giá các lựa chọn và đưa ra quyết định thông qua quá trình suy luận và phản biện.	**4**	
	PI 2.2	Xác định các vấn đề trong tình huống nghề nghiệp để giải quyết các vấn đề	**4**	
PLO3		Làm việc theo nhóm, truyền đạt hiệu quả trong điều kiện làm việc thay đổi và môi trường hội nhập quốc tế.	**4**	
	PI 3.1	Hình thành, triển khai hoàn thành công việc trong nhóm, ứng xử phù hợp và phát triển tinh thần trách nhiệm trong nhóm.	**4**	
	PI 3.2	Thực hiện các hoạt động truyền đạt hiệu quả trong môi trường công việc và môi trường hội nhập quốc tế.	**4**	
PLO4		Chủ động, tích cực trong học tập nghiên cứu và quản lý các nguồn lực cá nhân, đáp ứng yêu cầu học tập suốt đời.	**4**	

[2] Mỗi PLO có tối đa 4 nội hàm; mỗi nội hàm được đo bằng một PI.

[3] Theo thang đo năng lực.

	PI 4.1	Tổ chức và quản lý các nguồn lực cá nhân để hoàn thành các nhiệm vụ học tập.	**4**	
	PI 4.2	Tham gia, thể hiện tinh thần học tập, nghiên cứu và thích ứng của cá nhân đáp ứng yêu cầu học tập suốt đời.	**4**	
PLO5		Thể hiện đạo đức, trách nhiệm nghề nghiệp, có thái độ hành xử chuyên nghiệp và trách nhiệm xã hội, cộng đồng	**4**	
	PI 5.1	Tuân thủ các quy định pháp luật và chuẩn mực đạo đức trong lĩnh vực nghề nghiệp.	**4**	
	PI 5.2	Chuyên nghiệp trong giao tiếp, ứng xử, và quản lý tình huống trong môi trường nghề nghiệp.	**4**	
	PI 5.3	Đóng góp và thể hiện trách nhiệm xã hội, cộng đồng và có tinh thần khởi nghiệp.	**4**	
PLO6		Vận dụng thành thạo kiến thức nền tảng và chuyên sâu để giải quyết các vấn đề chuyên môn	**4**	
	PI 6.1	Vận dụng thành thạo kiến thức nền tảng để giải quyết các vấn đề chuyên môn	**4**	
	PI 6.2	Vận dụng thành thạo kiến thức chuyên sâu để giải quyết các vấn đề chuyên môn	**4**	
PLO7		Xác định các giải pháp ứng dụng trong lĩnh vực chuyên ngành và liên ngành	**4**	
	PI 7.1	Xác định các giải pháp ứng dụng trong lĩnh vực chuyên ngành	**4**	
	PI 7.2	Xác định các giải pháp ứng dụng trong lĩnh vực liên ngành	**4**	
PLO8		Thích ứng với các xu hướng thay đổi trong lĩnh vực chuyên môn, nghề nghiệp.	**4**	
	PI 08.1	Xác định các xu hướng hiện tại và mới nổi trong lĩnh vực chuyên môn, nghề nghiệp.	**4**	
	PI 08.2	Phân tích rủi ro, cơ hội liên quan đến việc thay đổi xu hướng trong lĩnh vực chuyên môn, nghề nghiệp.	**4**	
PLO9		Sử dụng Tiếng Anh tối thiểu tương đương chuẩn trình độ trung cấp bậc 3/6 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (theo thông tư Số: 01/2014/TT-BGDT) Đối với Chương trình CLC (TABP): Chuẩn bậc 4/6	**4**	
PL10		Áp dụng kiến thức công nghệ thông tin nâng cao để giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực chuyên môn, nghề nghiệp.	**4**	

	PI 10.1	Sử dụng các ứng dụng công nghệ thông tin trong lĩnh vực nghề nghiệp.	**3**	
	PI 10.2	Ứng dụng công nghệ thông tin nâng cao để giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực chuyên môn, nghề nghiệp.	**4**	
PLO11		Thiết lập và tổ chức triển khai các kế hoạch hoạt động của tổ chức/doanh nghiệp gắn với sự thay đổi của môi trường kinh doanh.	**4**	
	PI 11.1	Xác định và phân tích các vấn đề quản trị của doanh nghiệp/tổ chức nhằm đáp ứng yêu cầu của thị trường	**3**	
	PI 11.2	Hình thành và tổ chức, triển khai có hệ thống các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả quản trị/vận hành của doanh nghiệp/tổ chức	**4**	
	PI 11.3	Thích ứng các hoạt động quản trị với xu hướng thay đổi của môi trường kinh doanh	**4**	

3. Ma trận quan hệ giữa Mục tiêu (POi) và Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs):

Mối liên hệ giữa mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT ở bảng bên dưới cho thấy rằng sinh viên có thể đạt được mục tiêu của CTĐT nếu đáp ứng được các chuẩn đầu ra của CTĐT.

Mục tiêu của CTĐT (POi)		**Chuẩn đầu ra của CTĐT (PLOs)** *(Đánh dấu X vào ô có liên quan)*										
		1	**2**	**3**	**4**	**5**	**6**	**7**	**8**	**9**	**10**	**11**
Mục tiêu chung: Sinh viên ngành Quản trị Kinh doanh tốt nghiệp nắm vững kiến thức nền tảng về kinh tế, xã hội tổng quát, kiến thức chuyên sâu về quản trị kinh doanh và điều hành doanh nghiệp hiện đại. Có phẩm chất đạo đức tốt của người làm kinh doanh, quản trị. Có năng lực nghiên cứu giải quyết vấn đề và thực hành nghề nghiệp trong kinh doanh, quản trị điều hành hiệu quả trong kỷ nguyên cách mạng công nghệ số.												
Mục tiêu cụ thể:												
PO1	Vận dụng kiến thức về toán học, khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, chính trị và pháp luật và kiến thức chuyên sâu về nghề nghiệp để thực hiện các công việc trong lĩnh vực ngành nghề được đào tạo	X					X	X				X
PO2	Thể hiện phẩm chất cá nhân, nghề nghiệp và khả năng định hướng phát triển nghề nghiệp thích nghi với thay đổi của môi trường kinh tế, xã hội, hội				X	X						

	nhập quốc tế.											
PO3	Thể hiện kỹ năng tư duy, sáng tạo, phản biện, cộng tác làm việc nhóm giao tiếp chuyên nghiệp khi thực hiện các hoạt động nghề nghiệp..		X	X								
PO4	Có năng lực về ngoại ngữ và công nghệ thông tin đáp ứng với môi trường làm việc chuyên nghiệp và hội nhập									X	X	
PO5	Có năng lực xác định, đối chiếu, phân tích vấn đề chuyên môn nền tảng, chuyên sâu để thiết lập và tổ chức triển khai các giải pháp có hệ thống trong trong môi trường quản trị kinh doanh.						X	X	X			X

Ma trận thể hiện sự tương thích giữa POs, PLOs và PIs.[4]

PO	PLO	PI
PO1: Vận dụng kiến thức về toán học, khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, chính trị và pháp luật và kiến thức chuyên sâu về nghề nghiệp để thực hiện các công việc trong lĩnh vực ngành nghề được đào tạo	**PLO1:** Hiểu về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, chính trị và pháp luật để vận dụng vào những vấn đề cuộc sống và trong các hoạt động nghề nghiệp	**PI 1.1:** Vận dụng phù hợp kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, chính trị và pháp luật phù hợp với bối cảnh xã hội và nghề nghiệp.
		PI 1.2: Áp dụng kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên vào tính toán, thiết kế, phân tích, lập luận và giải thích các vấn đề trong lĩnh vực nghề nghiệp
	PLO6: Vận dụng thành thạo kiến thức nền tảng và chuyên sâu để giải quyết các vấn đề chuyên môn	**PI 6.1:** Vận dụng thành thạo kiến thức nền tảng để giải quyết các vấn đề chuyên môn
		PI 6.2: Có khả năng vận dụng thành thạo kiến thức chuyên sâu để giải quyết các vấn đề chuyên môn
PO2: Thể hiện phẩm chất cá nhân, nghề nghiệp và khả	**PLO4:** Chủ động, tích cực trong học tập nghiên cứu và	**PI 4.1:** Tổ chức và quản lý các nguồn lực cá nhân để hoàn

[4] Đối sánh để quan sát tính phù hợp với mỗi mục tiêu cụ thể (PO) được thể hiện thông qua CĐR CTĐT (PLO) và Chỉ số đánh giá kết quả thực hiện (PI)

năng định hướng phát triển nghề nghiệp thích nghi với thay đổi của môi trường kinh tế, xã hội, hội nhập quốc tế.	quản lý các nguồn lực cá nhân, đáp ứng yêu cầu học tập suốt đời.	thành các nhiệm vụ học tập.
		PI 4.2: Tham gia, thể hiện tinh thần học tập, nghiên cứu và thích ứng của cá nhân đáp ứng yêu cầu học tập suốt đời
	PLO5: Thể hiện đạo đức, trách nhiệm nghề nghiệp, có thái độ hành xử chuyên nghiệp và trách nhiệm xã hội, cộng đồng	**PI 5.1:** Tuân thủ các quy định pháp luật và chuẩn mực đạo đức trong lĩnh vực nghề nghiệp.
		PI 5.2: Chuyên nghiệp trong giao tiếp, ứng xử, và quản lý tình huống trong môi trường nghề nghiệp.
PO3: Tư duy, sáng tạo, phản biện, cộng tác làm việc nhóm giao tiếp chuyên nghiệp khi thực hiện các hoạt động nghề nghiệp..	**PLO2:** Vận dụng tư duy phản biện trong giải quyết các vấn đề nghề nghiệp.	**PI 2.1:** Phân tích thông tin, đánh giá các lựa chọn và đưa ra quyết định thông qua quá trình suy luận và phản biện
		PI 2.2: Xác định các vấn đề trong tình huống nghề nghiệp để giải quyết các vấn đề
	PLO3: Làm việc theo nhóm, truyền đạt hiệu quả trong điều kiện làm việc thay đổi và môi trường hội nhập quốc tế.	**PI 3.1:** Hình thành, triển khai hoàn thành công việc trong nhóm, ứng xử phù hợp và phát triển tinh thần trách nhiệm trong nhóm. **PI 3.2:** Truyền đạt hiệu quả trong môi trường công việc và môi trường hội nhập quốc tế.
PO4: Có năng lực về ngoại ngữ và công nghệ thông tin đáp ứng với môi trường làm việc chuyên nghiệp và hội nhập	**PLO9:** Sử dụng Tiếng Anh tối thiểu tương đương chuẩn trình độ trung cấp bậc 3/6 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (theo thông tư Số: 01/2014/TT-BGDT)	
	PLO10: Áp dụng công nghệ thông tin nâng cao để giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực chuyên môn, nghề nghiệp.	**PI 10.1:** Sử dụng các ứng dụng công nghệ thông tin trong lĩnh vực nghề nghiệp
		PI 10.2: Ứng dụng công nghệ

		thông tin nâng cao để giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực chuyên môn, nghề nghiệp.
PO5: Xác định, đối chiếu, phân tích vấn đề chuyên môn nền tảng, chuyên sâu để thiết lập và tổ chức triển khai các giải pháp có hệ thống và thích ứng với những xu hướng thay đổi trong trong môi trường quản trị kinh doanh.	**PLO7:** Xác định các giải pháp ứng dụng trong lĩnh vực chuyên ngành và liên ngành	**PI 7.1:** Xác định các giải pháp ứng dụng trong lĩnh vực chuyên ngành
		PI 7.2: Xác định các giải pháp ứng dụng trong lĩnh vực liên ngành
	PLO8: Thích ứng với các xu hướng thay đổi trong lĩnh vực chuyên môn, nghề nghiệp.	**PI 8.1:** Xác định các xu hướng hiện tại và mới nổi trong lĩnh vực chuyên môn, nghề nghiệp.
		PI 8.2: Phân tích rủi ro, cơ hội liên quan đến việc thay đổi xu hướng trong lĩnh vực chuyên môn, nghề nghiệp.
	PLO11: Giải pháp hoặc cách thức giải quyết các vấn đề, tình huống, đưa ra đánh giá chuyên môn, bảo vệ luận điểm trong lĩnh vực quản trị kinh doanh.	**PI 11.1:** Xác định và đề ra giải pháp giải quyết các vấn đề, tình huống trong thực tiễn thuộc lĩnh vực quản trị kinh doanh.
		PI 11.2: Đánh giá chuyên môn trong lĩnh vực quản trị kinh doanh.
		PI 11.3: Bảo vệ luận điểm giải quyết các vấn đề, tình huống trong lĩnh vực quản trị kinh doanh.

4. Ma trận đối sánh chuẩn đầu ra CTĐT với khung trình độ quốc gia Việt Nam:

Chuẩn đầu ra theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam bậc Đại học		**Chuẩn đầu ra của CTĐT (PLOs)** *(Đánh dấu X vào ô có liên quan)*										
		1	**2**	**3**	**4**	**5**	**6**	**7**	**8**	**9**	**10**	**11**
Kiến thức:												
KT1	Kiến thức thực tế vững chắc, kiến thức lý thuyết sâu, rộng trong phạm vi của ngành đào tạo.	X										X
KT2	Kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, khoa học chính trị và pháp luật	X										
KT3	Kiến thức về công nghệ thông										X	

	tin đáp ứng yêu cầu công việc.											
KT4	Kiến thức về lập kế hoạch, tổ chức và giám sát các quá trình trong một lĩnh vực hoạt động cụ thể.						X	X	X			X
KT5	Kiến thức cơ bản về quản lý, điều hành hoạt động chuyên môn.	X					X	X				X
Kỹ năng:												
KN1	Kỹ năng cần thiết để có thể giải quyết các vấn đề phức tạp.		X	X								X
KN2	Kỹ năng dẫn dắt, khởi nghiệp, tạo việc làm cho mình và cho người khác.			X		X						
KN3	Kỹ năng phản biện, phê phán và sử dụng các giải pháp thay thế trong điều kiện môi trường không xác định hoặc thay đổi.		X									
KN4	Kỹ năng đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm.			X	X							
KN5	Kỹ năng truyền đạt vấn đề và giải pháp tới người khác tại nơi làm việc; chuyển tải, phổ biến kiến thức, kỹ năng trong việc thực hiện những nhiệm vụ cụ thể hoặc phức tạp.			X				X	X			
KN6	Có năng lực ngoại ngữ bậc 3/6 Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam.									X		
Mức độ tự chủ và trách nhiệm:												
TCTN1	Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm.			X	X							
TCTN2	Hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định.			X			X	X	X			X
TCTN3	Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân.				X		X	X	X			X
TCTN4	Lập kế hoạch, điều phối, quản				X		X	X	X			X

	lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động.											

5. Vị trí việc làm sau tốt nghiệp:

Chương trình sẽ trang bị cho người học trở thành một chuyên gia trong thế giới kinh doanh thế kỷ 21. Sẵn sàng chinh phục các vai trò lãnh đạo và quản lý trong các tổ chức và kết nối với các đối tác trong ngành là trọng tâm của chương trình học, cho phép cập nhật xu hướng thị trường. Sinh viên sẽ có nhiều cơ hội để tương tác với doanh nghiệp, tập đoàn trong và ngoài nước ở các vị trí sau:

- Các vị trí nhân viên kinh doanh, chăm sóc khách hàng, nhân sự, hành chính, sản xuất, phân phối…(tại phòng Kế hoạch, phòng Tổ chức nhân sự, phòng Quản lý sản xuất, phòng Tài chính, phòng Kế toán, phòng Quản lý chất lượng, phòng Marketing, v.v.) trong các tổ chức trong nước và quốc tế.

- Sau khi tích lũy đủ kinh nghiệm, người học có khả năng đảm trách các vị trí cao hơn và có khả năng tự khởi nghiệp kinh doanh.

-Triển vọng thăng tiến lên vị trí cấp quản trị viên cấp cơ sở sau 3-4 năm (trưởng nhóm, giám sát quản lý khách hàng, truyền thông, sáng tạo), quản trị viên cấp trung sau 5-10 năm (trưởng phòng, giám đốc khách hàng, truyền thông, sáng tạo).

6. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp:

Người học có khả năng tự học suốt đời và năng lực tự trang bị kiến thức để hoàn thiện bản thân và đáp ứng yêu cầu thực tế của công việc. Người học có thể học bổ sung một số học phần để đủ điều kiện nhận văn bằng cử nhân thứ hai tại một số ngành liên quan như Kinh tế - Tài chính – Ngân hàng, có thể học tiếp lên chương trình cao học trong nước và quốc tế về quản trị, Marketing hoặc chương trình cao học KT-TC-NH..... (sau khi học bổ sung một số môn chuyển đổi).

7. Khối lượng kiến thức toàn khóa:

Tổng số tín chỉ của Chương trình đào tạo là 125 tín chỉ, cộng với học phần giáo dục thể chất (05 tín chỉ) và giáo dục quốc phòng – an ninh (08 tín chỉ). Các học phần giáo dục thể chất, giáo dục quốc phòng – an ninh được tính vào tổng số tín chỉ tích lũy, nhưng không tính vào điểm trung bình tích lũy học tập của sinh viên. Việc tích lũy đạt các học phần này là điều kiện để xét đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

8. Đối tượng tuyển sinh:

Có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

9. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp:

Thực hiện theo các quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo, các quy định chi tiết của Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh.

10. Chương trình đào tạo tham khảo - đối sánh:

Các trường đại học ở nước ngoài

- Chương trình cử nhân quản trị kinh doanh của trường RMIT (Úc)
- Chương trình cử nhân quản trị kinh doanh của trường Lancaster (Anh)

Các trường đại học ở Việt Nam

- Chương trình đào tạo cử nhân Quản trị kinh doanh của trường Đại học Kinh tế TP.HCM
- Chương trình cử nhân Quản trị kinh doanh của trường Đại học Ngoại thương

11. Phương pháp giảng dạy và đánh giá kết quả học tập [5]

11.1. Phương pháp giảng dạy

Nhằm giúp sinh viên đạt được các mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT ***ngành Quản trị kinh doanh***, các chiến lược và phương pháp giảng dạy được áp dụng cụ thể như: phương pháp thuyết trình, phương pháp tham luận, phương pháp seminar, phương pháp giải quyết vấn đề, phương pháp thảo luận tình huống, phương pháp học nhóm, phương pháp dạy học theo dự án, Thực tập-thực tế, phương pháp tự học.

Phương pháp giảng dạy được phát triển dựa trên nền tảng của chương trình đại học chính quy, đồng thời được tham khảo các chương trình đào tạo nước ngoài, được xây dựng theo hướng tích hợp để tạo điều kiện cho sinh viên có thể học liên thông hoặc chuyển tiếp sang các chương trình đào tạo nước ngoài.

Các phương pháp giảng dạy nói trên hướng đến việc giúp sinh viên đạt được chuẩn đầu ra CTĐT cụ thể như sau:

Phương pháp giảng dạy		**Chuẩn đầu ra của CTĐT (PLOs)** *(Đánh dấu X vào ô có liên quan)*										
		1	**2**	**3**	**4**	**5**	**6**	**7**	**8**	**9**	**10**	**11**
1	Phương pháp thuyết trình	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
2	Phương pháp tham luận Phương pháp Seminar	X	X	X	X		X					
3	Phương pháp giải quyết vấn đề Phương pháp thảo luận tình huống Phương pháp học nhóm		X	X	X	X	X			X		X
4	Phương pháp dạy học theo dự án Phương pháp thực tập – thực tế						X	X	X		X	X
5	Phương pháp tự học	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X

11.2. Đánh giá kết quả học tập: Điểm đánh giá kết quả học tập từng học phần của sinh viên được tính theo thang điểm hệ 10, được quy đổi sang điểm chữ và thang điểm hệ 4. Việc quy đổi điểm giữa các thang điểm được thực hiện theo Quy chế tổ chức và quản lý đào tạo trình độ đại học hiện hành tại Trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh.

[5] Mô tả các phương pháp giảng dạy tham khảo theo tài liệu hướng dẫn

- Đánh giá kỹ năng: Dựa trên các phương đánh giá quá trình như chuyên cần, tiểu luận cá nhân, tiểu luận nhóm, thảo luận nhóm, thuyết trình, phân tích case study, kiểm tra cá nhân…
- Đánh giá kiến thức: Dựa trên các phương đánh giá quá trình và đánh giá cuối kỳ (thi hoặc tiểu luận/đồ án).

12. Kết cấu và nội dung chương trình:

12.1. Kết cấu chương trình đào tạo:

TT	Khối kiến thức	Số học phần			Số tín chỉ			Tỷ lệ
		Bắt buộc	Tự chọn		Bắt buộc	Tự chọn		
			Bắt buộc	Tự do		Bắt buộc	Tự do	
1	Giáo dục đại cương	**10**	**9**	**1**	**22**	**20**	**2**	**23.25**
2	Giáo dục chuyên nghiệp	**33**	**28**	**5**	**103**	**88**	**15**	**76.74**
2.1	*Cơ sở ngành*	18	15	3	52	43	9	*41.86*
2.2	*Ngành*	7	6	1	21	18	3	*16.27*
2.3	*Chuyên ngành*	8	7	1	30	27	3	*18.6*
	Tổng cộng	**43**			**125**			**100.0%**

TT	Khối kiến thức khác	Số tín chỉ
1	Giáo dục thể chất	5
2	Giáo dục Quốc phòng an ninh	8
	Tổng cộng	**13**

12.2. Khung chương trình đào tạo:

TT	Mã học phần	Tên học phần (Tiếng Việt/Tiếng Anh)	Số tín chỉ	Phân bổ Thời lượng tín chỉ			Mã học phần trước	Học kỳ phân bổ
				Lý thuyết	Thực hành	Khác		
1	**KHỐI KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG**		**22**					
1.1		**Học phần bắt buộc**	**20**					
1	MLM306	Triết học Mác - Lênin 1/*Marxism and Leninism*	3	3	0	0		1
2	MLM307	Kinh tế chính trị Mác – Lênin/ *Political economics of Marxism and Leninism*	2	2	0	0	MLM306	2
3	MLM308	Chủ nghĩa xã hội khoa học/ *Scientific socialism*	2	2	0	0	MLM306	3
4	MLM309	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam/ *History of vietnamese communist party*	2	2	0	0	MLM306	5
5	MLM303	Tư tưởng Hồ Chí Minh/	2	2	0	0	MLM306	4

		Ho Chi Minh Ideology						
6	AMA301	Toán cao cấp 1/ *Advanced Mathematics 1*	2	2	0	0		1
7	AMA302	Toán cao cấp 2/ *Advanced Mathematics 2*	2	2	0	0		2
8	AMA303	Lý thuyết xác suất và thống kê toán/ *Probability theory and Mathematical Statistics*	3	3	0	0	AMA301 AMA302	2
9	LAW349	Pháp luật đại cương/ *General Law*	2	2	0	0		2
1.2		**Học phần tự chọn kiến thức đại cương (Học phần tự chọn (Sinh viên lựa chọn 01 môn học thuộc 01 trong 02 nhóm))**	**2**					
		Nhóm 1						
10	LOG708	Kỹ thuật ra quyết định/ *Decision-making techniques*	2	2	0	0		1
11	SOC301	Cơ sở văn hóa Việt Nam/ *The Basis of Vietnamese Culture*	2	2	0	0		1
12	SOC303	Tâm lý học/ *Psychology*	2	2	0	0		1
		Nhóm 2						
13	SOC303	Tâm lý học/ *Psychology*	2	2	0	0		1
14	MAG709	Tư duy phản biện/ *Critical Thinking*	2	2	0	0		1
15	MLM305	Logic học/*Logics*	2	2	0	0		1
2	**KHỐI KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP**		**103**					
2.1	**Học phần khối kiến thức cơ sở ngành**		**52**					
		Học phần bắt buộc	**43**					
16	MES302	Kinh tế học vi mô/ *Microeconomics*	3	3	0	0		1
17	MES303	Kinh tế học vĩ mô/ *Macroeconomics*	3	3	0	0		2
18	MAG701	Nhập môn Quản trị kinh doanh/ *Introduction to Business and Administration*	2	2	0	0	MAG322	2
19	ACC301	Nguyên lý kế toán/ *Principles of Accounting*	3	3	0	0		3
20	LAW304	Luật kinh doanh/ *Business Law*	3	3	0	0	LAW349	3
21	MKE308	Nguyên lý Marketing/ *Principles of Marketing*	3	3	0	0		2
22	ITS301	Tin học ứng dụng/	3	3	0	0	Chứng chỉ	4

		Applied Informatics					ứng dụng công nghệ thông tin nâng cao	
23	ECE301	Kinh tế lượng/ *Econometrics*	3	3	0	0	AMA303	3
24	MAG322	Quản trị học/ *Fundamentals of Management*	3	3	0	0		1
25	FIN301	Lý thuyết tài chính – tiền tệ/ *Financial and Monetary Theory*	3	3	0	0	MES303	3
26	FIN303	Tài chính doanh nghiệp/ *Corporate Finance*	3	3	0	0	ACC301	3
27	ACC705	Kế toán tài chính/ *Financial Accounting*	3	3	0	0	ACC301	4
28	ENL701	Tiếng Anh chuyên ngành 1/ *English for Specific Purpose 1*	2	3	0	0	Năng lực ngôn ngữ ở cấp độ tương đương A2 trở lên hoặc TOEIC 350 hoặc IELTS 3.5 hoặc bậc 2 khung năng lực Ngoại ngữ 6 bậc hoặc đạt điểm theo quy định của kỳ kiểm tra năng lực tiếng Anh đầu khóa.	
29	ENP317	Tiếng Anh chuyên ngành QTKD/ *English for Business Administration*	3	3	0	0	ENL701	5
30	INE704	Phương pháp nghiên cứu khoa học/ *Research Methodology*	3	3	0	0		4
		Học phần tự chọn cơ sở ngành (Sinh viên lựa chọn 03 trong 05 môn học thuộc 01 trong 02 nhóm sau đây để tích lũy)	**9**					
		Nhóm 1						
31	MKE302	Hành vi khách hàng/ *Consumer Behavior*	3	0	0	0	MKE308	5
32	MAG323	Quản trị đổi mới và sáng	3	3	0	0	MAG322	4

32	MAG323	Quản trị đổi mới và sáng tạo/ *Innovation and creativity Management*	3	3	0	0	MAG322	4
33	LOG712	Giao dịch thương mại/ *Commercial Transactions*	3	3	0	0		
34	ITS304	Hệ thống thông tin quản lý/ *Management Information Systems*	3	3	0	0	MAG322	5
35	ACC307	Kế toán quản trị/ *Management Accounting*	3	3	0	0	ACC301	5
		Nhóm 2						
36	DIM701	Giới thiệu kinh doanh số/*Introduction to digital business*	3	3	0	0		4
37	ITS704	Hệ thống hoạch định nguồn lực doanh nghiệp/ *Enterprise Resource Planning Systems*	3	3	0	0		4
38	DAT722	Khoa học dữ liệu cho kinh doanh/ *Data Science for Business*	3	3	0	0	AMA303	5
39	DIM708	Sáng tạo và thiết kế trong thời đại số/ *Innovation and digital design*	3	3	0	0		4
40	DIM706	Marketing số/ *Digital marketing*	3	3	0	0	MKE308	5
2.2	**Học phần khối kiến thức ngành**		**21**					
		Học phần bắt buộc	**18**					
41	MAG707	Truyền thông kinh doanh/*Business Communication*	3	3	0	0	MAG322	4
42	DIM738	Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp/*Corporate Social Responbility*	3	3	0	0	MAG322	5
43	MAG306	Quản trị vận hành/ *Operation Management*	3	3	0	0	MAG322	5
44	MAG313	Quản trị chiến lược/ *Strategic Management*	3	3	0	0	MAG322	6
45	MAG320	Quản trị nguồn nhân lực/ *Human Resource Management*	3	3	0	0	MAG322	6
46	MAG309	Quản trị marketing/ *Marketing Management*	3	3	0	0	MKE308	6
		Học phần tự chọn ngành (Sinh viên lựa chọn 1 trong 02 môn học thuộc 1 trong 2 nhóm sau đây để tích lũy)	**3**	**3**	0	**0**		
		Nhóm 1						
47	MAG703	Quản trị hiệu suất/ *Performance Management*	3	3	0	0	MAG322	6

48	FIN305	Quản trị tài chính doanh nghiệp/*Corporate Financial Management*	3	3	0	0	FIN303	6
		Nhóm 2						
49	ITS726	Quản trị dữ liệu/ *Data Management*	3	3	0	0		6
50	DAT712	Phân tích dữ liệu lớn/ *Big Data Analysis*	3	3	0	0		6
2.3	**Học phần khối kiến thức chuyên ngành**		**30**			0	0	
		Học phần bắt buộc	**27**		0	0		
51	MG013_2	Hành vi tổ chức/ *Organizational Behavior*	3	0	0	0	MAG707	5
52	MAG304	Lãnh đạo/ *Leadership*	3	0	0	0		7
53	DIM703	Khởi nghiệp kinh doanh trong thời đại số/ *Entrepreneurship In The Digital Age*	3	3	0	0	MAG322	7
54	MAG308	Quản trị dự án/ *Project Management*	3	3	0	0	MAG322	7
55	MAG307	Quản trị chuỗi cung ứng/ *Supply Chain Management*	3	3	0	0	MAG322	
56	INT305	Học phần thực tập cuối khoá (10 tuần)/ *Internship*	3	0	3	0		8
57	REP305	Học phần khóa luận tốt nghiệp/*Research Paper*	9	9	0	0		8
		Học phần tự chọn chuyên ngành (Sinh viên lựa chọn 01 trong 02 môn học thuộc 01 trong 02 nhóm sau đây để tích lũy)	**3**	**3**	0	**0**		
		Nhóm 1						
58	MAG316	Quản trị quan hệ khách hàng/ *Customer Relationship Management*	3	3	0	0	MAG322	7
59	MAG312	Quản trị chất lượng/ *Quality Management*	3	3	0	0	MAG322	7
		Nhóm 2						
60	INB724	Chiến lược Marketing/ Strategic Marketing	3	3	0	0	MKE308	7
61	DIM702	Chiến lược kinh doanh số/ *Digital Business strategy*	3	3	0	0	MAG322	7
		Học phần thay thế tốt nghiệp (Sinh viên lựa chọn 03 trong 05 môn học sau đây để tích lũy)	**9**					
62	MAG705	Quản trị sự thay đổi trong bối cảnh quốc tế hóa/	3				MAG322	

		the internationalization process						
63	MAG706	Quản trị tri thức/ *Knowledge Management*	3				MAG322	
64	MAG704	Quản trị lực lượng bán hàng/ *Sales Force Management*	3				MKE308	
65	MKE306	Quản trị thương hiệu/ *Brand Management*	3				MAG309	
66	MKE307	Truyền thông Marketing tích hợp/ *Integrated Marketing Communications*	3				MAG309	
Tổng số tín của chương trình đào tạo			**125**					
Tổng số tín chỉ bắt buộc			**105**					
Tổng số tín chỉ tự chọn tối thiểu			**20**					

Ghi chú (nếu có):

13. Kế hoạch đào tạo phân theo học kỳ:

Học kỳ	TT	Mã học phần	Tên học phần (Tiếng Việt/Tiếng Anh)	Số tín chỉ	Mã học phần trước	Bắt buộc (BB)/Tự chọn (TC)	Ngôn ngữ giảng dạy
1	1	**MLM306**	Triết học Mác - Lênin 1/*Marxism and Leninism*	3	Không	BB	Tiếng Việt
	2	**AMA301**	Toán cao cấp 1/ *Advanced Mathematics 1 (Đại số tuyến tính/ Linear Algebra)*	2	Không	BB	Tiếng Việt
	3	**MES302**	Kinh tế học vi mô/*Microeconomics*	3	Không	BB	Tiếng Việt
	4	**MAG322**	Quản trị học/*Fundamentals of Management*	3	Không	BB	Tiếng Việt
	5		Môn tự chọn (đại cương)	2	Không	TC	Tiếng Việt
	7	GYM301	Học phần GDTC 1	1	Không	BB	Tiếng Việt
	8		Giáo dục Quốc phòng - An ninh	8	Không	BB	Tiếng Việt
		Tổng tín chỉ trong học kỳ		**13**			
2	1	**MLM307**	Kinh tế chính trị Mác – Lênin/*Marxist-Leninist Political Economics*	2	MLM306	BB	Tiếng Việt
	2	**AMA302**	Toán cao cấp 2/ *Advanced Mathematic 2*	2	Không	BB	Tiếng Việt

	3	**AMA303**	Lý thuyết xác suất và thống kê toán/ *Probability theory and Mathematical Statistics*	3	AMA301 AMA302	BB	Tiếng Việt
	4	**LAW349**	Pháp luật đại cương/ *General Laws*	2	Không	BB	Tiếng Việt
	5	**MAG301**	Nguyên lý Marketing/*Principles of Marketing*	3	Không	BB	Tiếng Việt
	6	**MAG701**	Nhập môn Quản trị kinh doanh/ *Introduction to Business and Administration*	2	MAG322	BB	Tiếng Việt
	7	**MES303**	Kinh tế học vĩ mô/ *Macroeconomics*	3	Không	BB	Tiếng Việt
	8	GYM302	Học phần GDTC 2	1		BB	Tiếng Việt
		Tổng tín chỉ trong học kỳ		**17**			
3	1	**MLM308**	Chủ nghĩa xã hội khoa học/ *Scientific Socialism*	2	MLM306	BB	Tiếng Việt
	2	**ACC301**	Nguyên lý kế toán/ *Principles of Accounting*	3	Không	BB	Tiếng Việt
	3	**FIN301**	Lý thuyết tài chính – tiền tệ/ *Financial and Monetary Theory*	3	MES303	BB	Tiếng Việt
	4	**ECE301**	Kinh tế lượng/ *Econometrics*	3	AMA303	BB	Tiếng Việt
	5	**FIN303**	Tài chính doanh nghiệp/*Corporate Finance*	3	ACC301	BB	Tiếng Việt
	6	**LAW304**	Luật kinh doanh/*Business Law*	3	LAW349	BB	Tiếng Việt
	7	GYM303	Học phần GDTC 3	1		BB	Tiếng Việt
		Tổng tín chỉ trong học kỳ		**17**			
4	1	**MLM303**	Tư tưởng Hồ Chí Minh/ *Ideologies of Ho Chi Minh*	2	MLM306	BB	Tiếng Việt
	2	**ITS301**	Tin học ứng dụng/ *Applied Informatics*	3	Chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin nâng cao	BB	Tiếng Việt
	3	**MAG707**	Truyền thông kinh doanh/*Business*	3	MAG322	BB	Tiếng Việt

			Communication				
	4	**INE704**	Phương pháp nghiên cứu khoa học/ *Research Methodology*	3	Không	BB	Tiếng Việt
	5	**ACC705**	Kế toán tài chính/*Financial Accounting*	3	ACC301	BB	Tiếng Việt
	6		Học phần tự chọn cơ sở ngành	3		Tự chọn	Tiếng Việt
	7	GYM304	Học phần GDTC 4	1		BB	Tiếng Việt
		ENL701	Tiếng Anh chuyên ngành 1/English for specific purposes 1	2	Năng lực ngôn ngữ ở cấp độ tương đương A2 trở lên hoặc TOEIC 350 hoặc IELTS 3.5 hoặc bậc 2 khung năng lực Ngoại ngữ 6 bậc hoặc đạt điểm theo quy định của kỳ kiểm tra năng lực tiếng Anh đầu khóa.	Tăng cường	Tiếng Anh
		Tổng tín chỉ trong học kỳ		**19**			
5	1	**MLM309**	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam/ *History Of Vietnamese Communist Party*	2	MLM306	BB	Tiếng Việt
	2	**ENP317**	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Kinh doanh/ *English For Business Administration*	3	ENL701	BB	Tiếng Anh
	3	**MAG306**	Quản trị vận hành/ *Operation Management*	3	MAG322	BB	Tiếng Việt
	4	**DIM738**	Trách nhiệm xã hội trong doanh nghiệp/ *Corporate Social Responbility*	3	MAG322	BB	Tiếng Việt
	5	**MG013_2**	Hành vi tổ chức/	3	MAG707	BB	Tiếng

			Organizational Behavior				Việt
	6		Học phần tự chọn cơ sở ngành	3		BB	Tiếng Việt
	7	**GYM305**	Học phần GDTC 5	1		BB	Tiếng Việt
		Tổng tín chỉ trong học kỳ		**17**			
6	1	**MAG313**	Quản trị chiến lược/ *Strategic Management*	3	MAG322	BB	Tiếng Việt
	2	**MAG320**	Quản trị nguồn nhân lực/ *Human Resource Management*	3	MAG322	BB	Tiếng Việt
	3	**MAG309**	Quản trị marketing/ *Marketing Management*	3	MKE308	BB	Tiếng Việt
	4		Học phần tự chọn cơ sở ngành	3		Tự chọn	Tiếng Việt
	5		Học phần tự chọn ngành	3		Tự chọn	Tiếng Việt
		Tổng tín chỉ trong học kỳ		**15**			
7	1	**MAG304**	Lãnh đạo/ *Leadership*	3	MAG322	BB	Tiếng Việt
	2	**MAG307**	Quản trị chuỗi cung ứng/ *Supply Chain Management*	3	MAG322	BB	Tiếng Việt
	3	**DIM703**	Khởi nghiệp kinh doanh trong thời đại số/ *Entrepreneurship In The Digital Age*	3	MAG322	BB	Tiếng Việt
	4	**MAG308**	Quản trị dự án/ *Project Management*	3	MAG322	BB	Tiếng Việt
	5		Học phần tự chọn chuyên ngành	3		Tự chọn	Tiếng Việt
		Tổng tín chỉ trong học kỳ		**15**			
8	1	**INT305**	Thực tập cuối khóa/*Internship*	3	Theo quy chế đào tạo	BB	Tiếng Việt
	2	**REP305**	Học phần khóa luận tốt nghiệp/ *Research Paper* Hoặc học 3 trong 5 môn thay thế khóa luận tốt nghiệp	9	Theo quy chế đào tạo	BB	Tiếng Việt
		Tổng tín chỉ trong học kỳ		**12**			

14. Sơ đồ cây chương trình đào tạo (danh sách các học phần được hệ thống hóa theo các khối kiến thức và trình tự học):

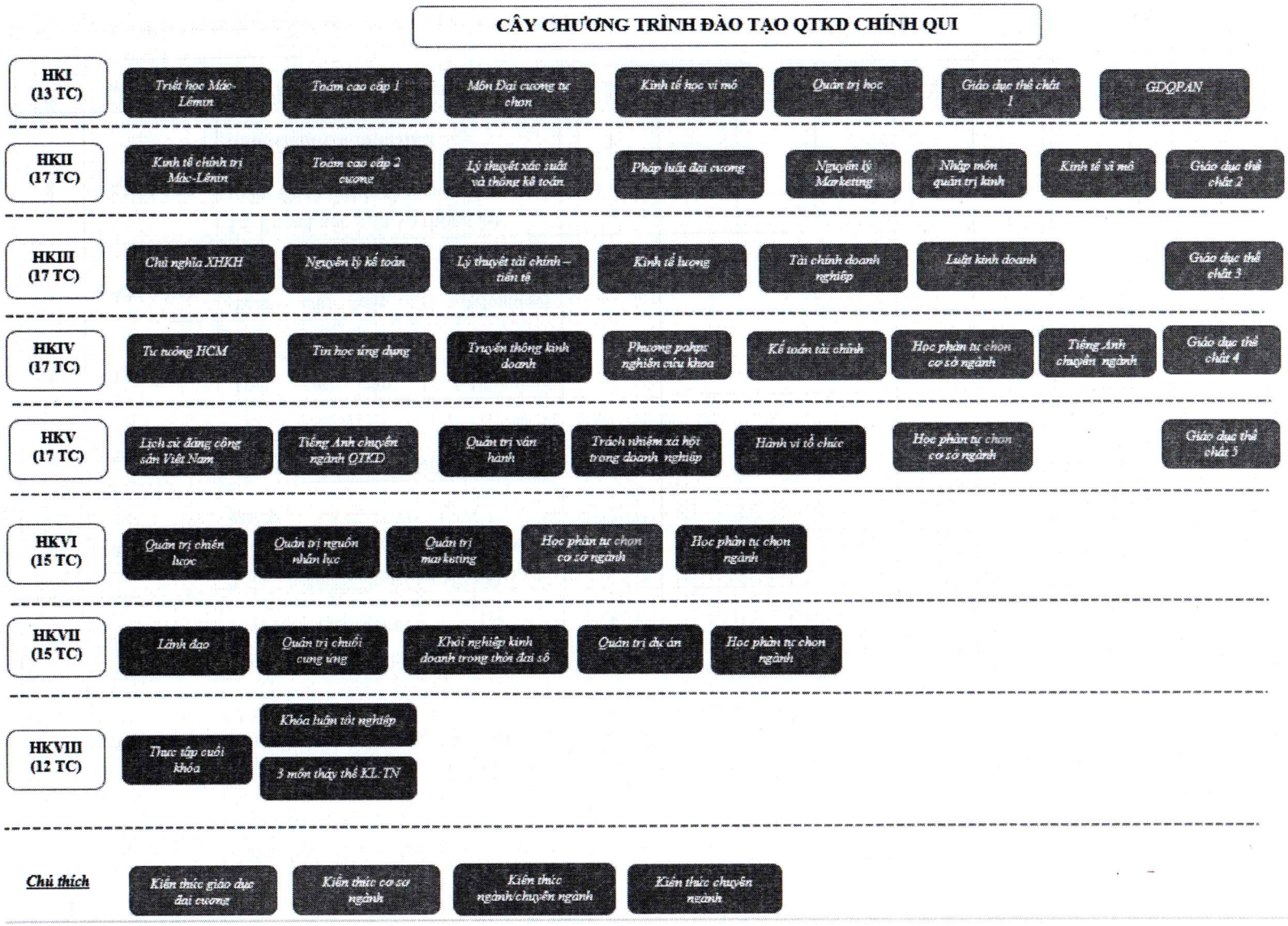

Bảng 15 Ma trận thể hiện sự đóng góp của các học phần vào việc đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs) [6]

STT	MÃ HỌC PHẦN	TÊN MÔN HỌC	CHUẨN ĐẦU RA PLOi										
			1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1	MLM306	Triết học Mác - Lenin 1/*Marxism and Leninism*	2			2	2						
2	MLM307	Kinh tế chính trị Mác – Lênin/ *Political economics of Marxism and Leninism*	2			2	2						
3	MLM308	Chủ nghĩa xã hội khoa học/ *Scientific socialism*	2			2	2						
4	MLM309	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam/ *History of vietnamese communist party*	2			2	2						
5	MLM303	Tư tưởng Hồ Chí Minh/ *Ho Chi Minh Ideology*	2			2	2						
6	AMA301	Toán cao cấp 1/ *Advanced Mathematics 1*	3					3		3			
7	AMA302	Toán cao cấp 2/ Advanced Mathematics 2	3			3				3			
8	AMA303	Lý thuyết xác suất và thống kê toán/ *Probability theory and Mathematical Statistics*	3					3					
9	LAW349	Pháp luật đại cương/ *General Law*	2		3		3						

[6] Thực hiện tên Word hoặc theo mẫu Excel sau đó copy đưa vào file này.

10	LOG708	Kỹ thuật ra quyết định/ *Decision - making techniques*	2			2	3						
11	SOC301	Cơ sở văn hóa Việt Nam/ *The Basis of Vietnamese Culture*	2			2	2						
12	SOC303	Tâm lý học/ *Psychology*	2			2	2						
13	MAG709	Tư duy phản biện/ *Critical Thinking*	2			2	3						
14	MLM305	Logic học/*Logics*	2			2	2						
15	MES302	Kinh tế học vi mô/ *Microeconomics*	3	3		2							
16	MES303	Kinh tế học vĩ mô/ *Macroeconomics*	3	3		2							
17	DIM729	Nhập môn ngành Quản trị kinh doanh / *Introduction to Business and Administration*			3	3	3						
18	ACC301	Nguyên lý kế toán/ *Principles of Accounting*	3		2			3					
19	LAW304	Luật kinh doanh/ *Business Law*	2				3	3					

20	MKE308	Nguyên lý Marketing/ *Principles of Marketing*	3						3	3			
21	ITS301	Tin học ứng dụng/ Applied Informatics							3			4	
22	ECE301	Kinh tế lượng/ *Econometrics*	3	4	4			4					
23	MAG322	Quản trị học/ *Fundamentals of Management*	2			3	3						
24	FIN301	Lý thuyết tài chính – tiền tệ/ *Financial and Monetary Theory*			2			3		3			
25	FIN303	Tài chính doanh nghiệp/ *Corporate Finance*		3				3					
26	ACC705	Kế toán tài chính/ *Financial Accounting*			3	3		3					
27	ENL701	Tiếng Anh chuyên ngành 1/ *English for Specific Purpose 1*		3	3						3		
28	ENP320	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị kinh oanh/ *English for Business Administration*		4	4						4		
29	INE704	Phương pháp nghiên cứu khoa học/ *Research Methodology*	3	4		4							
30	DIM715	Hành vi khách hàng / Consumer			2	3		3					

		Behavior											
31	MAG323	Quản trị đổi mới và sáng tạo/ *Innovation and creativity Management*		3		3				3			
32	LOG712	Giao dịch thương mại							2	3			3
33	ITS304	Hệ thống thông tin quản lý	2					2		2			
34	ACC307	Kế toán quản trị			3	3		4					
35	DIM701	Giới thiệu kinh doanh số/*Introduction to digital business*	3			3	3						
36	ITS704	Hệ thống hoạch định nguồn lực doanh nghiệp						3	3	2			
37	DAT728	Khoa học dữ liệu cho kinh doanh						4	4				4
38	DIM708	Sáng tạo và thiết kế trong thời đại số/ *Innovation and digital design*			2			3		3			
39	DIM706	Marketing số/ *Digital marketing*						2		3		3	
40	MAG303	Truyền thông kinh doanh/*Business Communication*		3	3				3				
41	MAG702	Trách nhiệm xã hội trong doanh nghiệp/*Corporate Social Responbility*	2			3	3						

42	MAG306	Quản trị vận hành/ *Operation Management*				2		3		3			
43	MAG313	Quản trị chiến lược/ *Strategic Management*		3				4		3			
44	MAG320	Quản trị nguồn nhân lực/ *Human Resource Management*				2		3		3			
45	MAG309	Quản trị marketing/ *Marketing Management*						2	3	3			
46	MAG703	Quản trị hiệu suất/ *Performance Management*				3		4		4			
47	FIN305	Quản trị tài chính doanh nghiệp/ *Corporate Financial Management*		4				4					
48	ITS726	Quản trị dữ liệu						3	3			3	
49	DAT712	Phân tích dữ liệu lớn						4	4				4
50	MG013_2	Hành vi tổ chức/ *Organization Behavior*			3	3			3				
51	MAG304	Lãnh đạo/ *Leadership*			3	3			4				
52	DIM703	Khởi nghiệp kinh doanh trong thời đại số/ *Entrepreneurship In The Digital Age*							2	3			3
53	MAG308	Quản trị dự án/ *Project Management*				2		3		3			
54	MAG307	Quản trị chuỗi cung ứng/ *Supply*		2				3		3			

		Chain Management											
55	INT305	Học phần thực tập cuối khoá (10 tuần) / *Internship*						3	3	3			
56	REP305	Học phần khóa luận tốt nghiệp/*Research Paper*		3		3		4	4	5			
57	MAG316	Quản trị quan hệ khách hàng/ *Customer Relationship Management*						2	3			4	
58	MAG312	Quản trị chất lượng/ *Quality Management*				2		3		3			
59	INB724	Chiến lược Marketing/ *Marketing Strategy*						2	3				3
60	DIM702	Chiến lược kinh doanh số/ *Digital Business strategy*						4		4			4
61	MAG705	Quản trị sự thay đổi trong bối cảnh quốc tế hóa/ *Change management in the internationalization process*							4	4			4
62	MAG706	Quản trị tri thức/ *Knowledge Management*				3			4	4			
63	MAG704	Quản trị lực lượng bán hàng/ *Sales Force Management*						2	3	3			
64	MKE306	Quản trị thương hiệu/ *Brand Management*							4				4

										4			
65	MKE307	Truyền thông Marketing tích hợp/ *Integrated Marketing Communications*						2				3	3
Tổng số lượng học phần theo các mức độ đóng góp			**CHUẨN ĐẦU RA PLOi**										
			PLO1	**PLO2**	**PLO3**	**PLO4**	**PLO5**	**PLO6**	**PLO7**	**PLO8**	**PLO9**	**PLO10**	**PLO11**
		Mức 1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
		Mức 2	15	1	4	16	8	7	2	2	0	0	0
		Mức 3	10	8	8	14	8	16	11	18	1	3	4
		Mức 4	0	4	2	1	0	9	7	5	1	2	5
		Học phần đóng góp	25	13	14	31	16	32	20	25	2	5	9
		Học phần đánh giá PI											
		Học phần đánh giá PLO											

Bảng 15.2 : Ma trận phân bổ PLO - PI

TT	Học kỳ	Tên học phần	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)

				PLO1		PLO2		PLO3		PLO4		PLO5			PLO6		PLO7		PLO8		PLO9	PLO10		PLO11		
			PI	1.1	1.2	2.1	2.2	3.1	3.2	4.1	4.2	5.1	5.2	5.3	6.1	6.2	7.1	7.2	8.1	8.2		10.1	10.2	11.1	11.2	11.3
1	1	Triết học Mác - Lenin 1/Marxism and Leninism		2						2	2	2		2												
2	2	Kinh tế chính trị Mác – Lênin/ Political economics of Marxism and Leninism		2						2	2	2		2												
3	2	Chủ nghĩa xã hội khoa học/ Scientific socialism		2						2	2	2		2												
4	3	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam/ History of vietnamese communist party		2						2	2	2		2												
5	3	Tư tưởng Hồ Chí Minh/ Ho Chi Minh Ideology		2						2	2	2		2												
6	1	Toán cao cấp 1/ Advanced Mathematics 1		3	3										3	3			3	3						
7	2	Toán cao cấp 2/		3	3					3	3								3	3						

		Advanced Mathematics 2																								
8	2	Lý thuyết xác suất và thống kê toán/ Probability theory and Mathematical Statistics		3	3										3	3										
9	2	Pháp luật đại cương/ General Law		2				3				3														
10	1	Kỹ thuật ra quyết định/ Decision - making techniques		2						2		3														
11	2	Cơ sở văn hóa Việt Nam/ The Basis of Vietnamese Culture		2						2	2	2		2												
12	1	Tâm lý học/ Psychology		2						2	2	2		2												
13		Tư duy phản biện/ Critical Thinking			2						2		3													
14	2	Logic học		2						2	2	2		2												
15	1	Kinh tế học vi mô/ Microeconomics			3	3				2																

16	3	Kinh tế học vĩ mô/ Macroeconomics			3		3			2																
17	5	Nhập môn ngành Quản trị kinh doanh / Introduction to Business and Administration						3		3	3		3	3												
18	3	Nguyên lý kế toán/ Principles of Accounting		3	3			2							3											
19	4	Luật kinh doanh/ Business Law		2										3		3										
20	4	Nguyên lý Marketing/ Principles of Marketing		2	3												3		3	3						
21	4	Tin học ứng dụng/ Applied Informatics																3				3	4			
22	4	Kinh tế lượng/ Econometrics			3	4		4							4											
23	3	Quản trị học/ Fundamentals of Management		2							3		3													

24	4	Lý thuyết tài chính – tiền tệ/ Financial and Monetary Theory						2							3				3							
25	4	Tài chính doanh nghiệp/ Corporate Social Responsibility					3								3											
26	5	Kế toán tài chính/ Financial Accounting						3			3				2	3										
27	5	Tiếng Anh chuyên ngành 1/ English for Specific Purpose 1				3		3													3					
28	6	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị kinh oanh/ English for Business Administration				4		4													4					
29	6	Phương pháp nghiên cứu khoa học/ Research Methodology		3	3	4				4																
30	6	Hành vi khách hàng / Consumer						2		3					3											

		Behavior																								
31	6	Quản trị đổi mới và sáng tạo/ Innovation and creativity Management					3			3	3								3	3						
32	5	Giao dịch thương mại															2	2	3					3		3
33	5	Hệ thống thông tin quản lý		2	2										2				2	2						
34	5	Kế toán quản trị						3				3			2	4										
35	5	Giới thiệu kinh doanh số/Introduction to digital business		3	3						3	3		3												
36	5	Hệ thống hoạch định nguồn lực doanh nghiệp													2	3	3	3	2							
37	7	Khoa học dữ liệu cho kinh doanh													4	4	4	4							4	4
38	7	Sáng tạo và thiết kế trong thời đại số/ Innovation and digital design						2	2						3	3			3							

39	6	Marketing số/ Digital marketing													2	2			3			3	3			
40	6	Truyền thông kinh doanh/Business Communication				3	3	3										3								
41	7	Trách nhiệm xã hội trong doanh nghiệp/Corporate Social Responbility		2	2						3	3	3													
42	7	Quản trị vận hành/ Operation Management								2	2				3				3	3						
43	7	Quản trị chiến lược/ Strategic Management				3									4	4			3	3						
44	5	Quản trị nguồn nhân lực/ Human Resource Management								2					3	3			3	3						
45	7	Quản trị marketing/ Marketing Management													2	2	3		3	3						
46	7	Quản trị hiệu suất/								3						4				4						

		Performance Management																							
47	7	Quản trị tài chính doanh nghiệp/ *Corporate Financial Management*					4								4	4									
48	7	Quản trị dữ liệu													3		3					3			
49	6	Phân tích dữ liệu lớn													4	4	4	4						4	4
50	8	Hành vi tổ chức/ Organization Behavior							3	3	3						3	3							
51	7	Lãnh đạo/ Leadership						3		3	3						4	4							
52	7	Khởi nghiệp kinh doanh trong thời đại số/ Entrepreneurship In The Digital Age															2			3				3		3
53	8	Quản trị dự án/ Project Management								2					3	3			3							
54	8	Quản trị chuỗi cung ứng/				2	2								3				3	3						

		Supply Chain Management																								
55	8	Học phần thực tập cuối khoá (10 tuần) / Internship														3	3	3	3	3						
56	8	Học phần khóa luận tốt nghiệp/Research Paper				3	3			3					4	4	4		5	5						
57	8	Quản trị quan hệ khách hàng/ Customer Relationship Management													2		3					4				
58	8	Quản trị chất lượng/ Quality Management							2	2					3	3			3							
59	8	Chiến lược Marketing/ Marketing Strategy													2	2	3	3						3		
60	8	Chiến lược kinh doanh số/ Digital Business strategy													4	4				4				4	4	
61	8	Quản trị sự thay đổi trong bối cảnh quốc tế hóa/ Change management in															4		4	4				4	4	

		the internationalization process																								
62	8	Quản trị tri thức/ Knowledge Management								3	3						4	4	4							
63	8	Quản trị lực lượng bán hàng/ Sales Force Management													2		3		3							
64	8	Quản trị thương hiệu/ Brand Management															4		4					4		
65	8	Truyền thông Marketing tích hợp/ *Integrated Marketing Communications*													2							3		3		
Tổng số lượng học phần theo các mức độ đóng góp																										
		Mức 1		**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
		Mức 2		**15**	**3**	**1**	**1**	**2**	**2**	**15**	**11**	**8**	**0**	**8**	**10**	**3**	**2**	**1**	**2**	**1**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
		Mức 3		**6**	**10**	**5**	**5**	**10**	**1**	**9**	**10**	**5**	**4**	**3**	13	**10**	**9**	**6**	**17**	**11**	**1**	**3**	**1**	**3**	**0**	**2**
		Mức 4		**0**	**0**	**3**	**1**	**0**	**0**	**1**	**0**	**0**	**0**	**0**	**7**	**8**	**7**	**4**	**3**	**3**	**1**	**1**	**1**	**3**	**4**	**2**

		Học phần đóng góp																								
		Học phần đánh giá PI		21	13	9	7	12	3	25	21	13	4	11	30	21	18	11	22	15	2	4	2	6	4	4
		Học phần đánh giá PLO		34		17		15		36		28			51		29		37		2	6		14		

Bảng 15.3: Ma trận phân bổ CLO - PI

TT	Học kỳ	Tên học phần (HPi)		Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)																							
					PLO1		PLO2		PLO3		PLO4		PLO5			PLO6		PLO7		PLO8		PLO 9	PLO10		PLO11		
			CLO ij	PI	1.1	1.2	2.1	2.2	3.1	3.2	4.1	4.2	5.1	5.2	5.3	6.1	6.2	7.1	7.2	8.1	8.2		10.1	10.2	11.1	11.2	11.3
1	1	Triết học Mác – Lênin/ Marxist – Leninist phylosophy	CLO 1		2																						
			CLO 2		2																						
			CLO 3								2	2															
			CLO 4										2		2												
		Tổng hợp học phần 1			2						2		2														
2	2	Kinh tế chính trị Mác – Lê nin/ Marxist Leninist political economics	CLO 1		2																						
			CLO 2		2																						
			CLO 3								2	2															
			CLO 4										2		2												
		Tổng hợp học phần 2			2						2		2														
3	3	Chủ nghĩa xã hội khoa học/ Scientific	CLO 1		2																						

		socialism	CLO 2		2																							
			CLO 3								2	2																
			CLO 4										2		2													
		Tổng hợp học phần			2						2		2															
4	5	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam/ History of Vietnamese Communist Party	CLO 1		2																							
			CLO 2		2																							
			CLO 3								2	2																
			CLO 4										2		2													
		Tổng hợp học phần			2						2		2															
5	4	Tư tưởng Hồ Chí Minh/ Ho Chi Minh Ideology	CLO 1		2																							
			CLO 2		2																							
			CLO 3								2	2																
			CLO 4										2		2													
		Tổng hợp học phần			2						2		2															
6	1	Toán cao cấp 1/	CLO		3	3																						

		Advanced Mathematics 1	1																								
			CLO 2																	3	3						
			CLO 3		2	2																					
			CLO 4													3	3										
			CLO 5		3	3																					
			CLO 6													3	3										
		Tổng hợp học phần			3											3				3							
7	2	Toán cao cấp 2/ Advanced Mathematics 2	CLO 1		3	3																					
			CLO 2								3	3															
			CLO 3																	3	3						
		Tổng hợp học phần			3						3																
8	2	Lý thuyết xác suất và thống kê toán/ Theory of Probability and Statistics	CLO 1		2	2																					
			CLO 2		3	3																					
			CLO 3													3	3										
		Tổng hợp học phần			3											3											

9	2	Pháp luật đại cương/ General Law	CLO 1		2																							
			CLO 2						3																			
			CLO 3											3														
		Tổng hợp học phần			2				3				3															
10		Kỹ thuật ra quyết định/ Decision - making techniques	CLO 1		2																							
			CLO 2								2																	
			CLO 3										3															
Tổng hợp học phần					2						2		3															
11		Cơ sở văn hóa Việt Nam/ The Basis of Vietnamese Culture	CLO 1		2																							
			CLO 2		2																							
			CLO 3								2	2																
			CLO 4										2		2													
Tổng hợp học phần					2						2		2															
12	1	Tâm lý học/ Psychology	CLO 1		2																							

			CLO 2		2																							
			CLO 3								2	2																
			CLO 4										2		2													
		Tổng hợp học phần			2						2		2															
13		Tư duy phản biện/ Critical Thinking	CLO 1			2																						
			CLO 2									2																
			CLO 3											3														
		Tổng hợp học phần			2						2		3															
14		Logic học	CLO 1		2																							
			CLO 2		2																							
			CLO 3								2	2																
			CLO 4										2		2													
Tổng hợp học phần					2						2		2															
15	1	Kinh tế học vi mô /	CLO 1			3																						

		Microeconomics																											
			CLO 2				3																						
			CLO 3								2																		
		Tổng hợp học phần			3		3				2																		
16	2	Kinh tế học vĩ mô / Macroeconomics	CLO 1			3																							
			CLO 2					3			2																		
			CLO 3																										
		Tổng hợp học phần			3		3				2																		
17	1	Nhập môn ngành Quản trị kinh doanh / Introduction to Business and Administration	CLO 1						3																				
			CLO 2								3	3																	
			CLO 3										3	3															
			CLO 4																										
		Tổng hợp học phần							3		3		3																
18	3	Nguyên lý kế toán/ Principles of Accounting	CLO 1		3																								
			CLO 2			3																							
			CLO													3													

			3																								
			CLO 4						2																		
			CLO 5													3											
		Tổng hợp học phần			3				2							3											
19	3	Luật kinh doanh / Business Law	CLO 1		2																						
			CLO 2														3										
			CLO 3												3												
			CLO 4																								
			CLO 5																								
		Tổng hợp học phần			2								3			3											
20	2	Nguyên lý Marketing/ Principles of Marketing	CLO 1		2																						
			CLO 2			3																					
			CLO 3															3									
			CLO 4																	3							
			CLO																		3						

			5																									
		Tổng hợp học phần			3												3		3								
21	3	Tin học ứng dụng / Applied Informatics	CLO 1																					4			
			CLO 2															3				3					
			CLO 3																					3			
			CLO 4																								
		Tổng hợp học phần															3				4					
22	1	Kinh tế lượng / Econometrics	CLO 1			3																					
			CLO 2			3										4											
			CLO 3			4										4											
			CLO 4						4																		
		Tổng hợp học phần			4				4							4											
23	1	Quản trị học/ *Fundamentals of Management*	CLO 1		2							2															
			CLO 2									3		3													
			CLO 3																								

		Tổng hợp học phần			2						3		3															
24	1	Lý thuyết tài chính – tiền tệ / Financial and Monetary Theory	CLO 1						2																			
			CLO 2													2												
			CLO 3													3												
			CLO 4																	3								
		Tổng hợp học phần							2							3				3								
25	1	Tài chính doanh nghiệp/ *Corporate Social Responsibility*	CLO 1					2																				
			CLO 2													3												
			CLO 3													3												
			CLO 4													3												
			CLO 5					3																				
		Tổng hợp học phần					3									3												
26	2	Kế toán tài chính/ *Financial Accounting*	CLO 1													2												
			CLO 2														3											
			CLO														3											

			3																								
			CLO 4						3																		
			CLO 5									3															
		Tổng hợp học phần							3		3					3											
27	4	Tiếng Anh chuyên ngành 1/ English for Specific Purpose 1	CLO 1				3																				
			CLO 2						3																		
			CLO 3																			3					
		Tổng hợp học phần					3		3													3					
28	1	Tiếng anh chuyên ngành Quản trị kinh doanh / English for Business Administration	CLO 1				4																				
			CLO 2						4																		
			CLO 3																			4					
		Tổng hợp học phần					4		4													4					
29	3	Phương pháp nghiên cứu khoa học / Research Methodology	CLO 1		3	3																					
			CLO 2				4																				
			CLO 3								4																

			CLO 4																							
			CLO 5																							
		Tổng hợp học phần			3		4				4															
30	3	Hành vi khách hàng / Consumer Behavior	CLO 1						2																	
			CLO 2													3										
			CLO 3								3															
		Tổng hợp học phần							2		3					3										
31	4	Quản trị đổi mới và sáng tạo/ Innovation and creativity Management	CLO 1					3																		
			CLO 2																	3	3					
			CLO 3								3	3														
			CLO 4																							
			CLO 5																							
3		*Tổng hợp học phần*					3				3									3						
32	4	Giao dịch thương mại	CLO 1															2								
			CLO																2							

			2																									
			CLO 3																		3							
			CLO 4																							3		
			CLO 5																									3
3		*Tổng hợp học phần*																2			3					3		
33	5	Hệ thống thông tin quản lý	CLO 1		2	2																						
			CLO 2		2	2																						
			CLO 3													2												
			CLO 4																		2	2						
		Tổng hợp học phần			2											2					2							
34	4	Kế toán quản trị	CLO 1													2												
			CLO 2														3											
			CLO 3														4											
			CLO 4						3																			
			CLO									3																

			5																								
		Tổng hợp học phần						3		3					4												
35	4	Giới thiệu kinh doanh số/Introduction to digital business	CLO 1		3																						
			CLO 2			3																					
			CLO 3									3															
			CLO 4										3														
			CLO 5												3												
		Tổng hợp học phần			3					3		3															
36	3	Hệ thống hoạch định nguồn lực doanh nghiệp	CLO 1													2											
			CLO 2														3										
			CLO 3															3	3								
			CLO 4																	2							
		Tổng hợp học phần													3			3		2							
37	5	Khoa học dữ liệu cho kinh doanh	CLO 1													4	4										
			CLO 2															4	4								

			CLO 3																							4	4
		Tổng hợp học phần														4		4							4		
38	5	Sáng tạo và thiết kế trong thời đại số/ Innovation and digital design	CLO 1						2																		
			CLO 2							2																	
			CLO 3													3											
			CLO 4														3										
			CLO 5																	3							
		Tổng hợp học phần							2							3				3							
39	3	Marketing số/ Digital marketing	CLO 1													2											
			CLO 2														2										
			CLO 3																	3							
			CLO 4																				3				
			CLO 5																					3			
		Tổng hợp học phần														2				3			3				
40	4	Truyền thông	CLO				3																				

		kinh doanh/Business Communication	1																								
			CLO 2					3																			
			CLO 3						3																		
			CLO 4						3																		
			CLO 5																3								
		Tổng hợp học phần				3		3									3										
41	5	Trách nhiệm xã hội trong doanh nghiệp/Corporate Social Responbility	CLO 1		3																						
			CLO 2		3																						
			CLO 1		2																						
			CLO 2			2																					
			CLO 3										3														
			CLO 4									3															
			CLO 5											3													
		Tổng hợp học phần			3					3		3															
42	5	Quản trị vận	CLO								2																

		hành/ Operation Management	1																								
			CLO 2									2															
			CLO 3													3											
			CLO 4																		3						
			CLO 5																			3					
		Tổng hợp học phần									2					3				3							
43	6	Quản trị chiến lược/ Strategic Management	CLO 1				3																				
			CLO 2													4											
			CLO 3														4										
			CLO 4																		3						
			CLO 5																			3					
		Tổng hợp học phần					3									4				3							
44	5	Quản trị nguồn nhân lực/ Human Resource Management	CLO 1								2																
			CLO 2													3											
			CLO														3										

			3																								
			CLO 4																	3							
			CLO 5																		3						
		Tổng hợp học phần								2					3					3							
45	6	Quản trị marketing/ Marketing Management	CLO 1													2											
			CLO 2														2										
			CLO 3															3									
			CLO 4																	3							
			CLO 5																		3						
		Tổng hợp học phần													2			3		3							
46	4	Quản trị hiệu suất/ Performance Management	CLO 1								3																
			CLO 2								3																
			CLO 3																		4						
			CLO 4														4										
			CLO																		3						

			5																								
		Tổng hợp học phần								3					4				4								
47	6	Quản trị tài chính doanh nghiệp/ *Corporate Financial Management*	CLO 1					4																			
			CLO 2													4	4										
			CLO 3																								
			CLO 4																								
			CLO 5																								
		Tổng hợp học phần				4									4												
48	6	Quản trị dữ liệu	CLO 1													3											
			CLO 2													3	3										
			CLO 3																				3				
			CLO 4																								
			CLO 5																								
		Tổng hợp học phần													3							3					
49	5	Phân tích dữ liệu lớn	CLO 1													4	4										

			CLO 2														4	4									
			CLO 3																							4	4
			CLO 4																								
			CLO 5																								
		Tổng hợp học phần														4		4							4		
50	5	Hành vi tổ chức/ Organization Behavior	CLO 1								3	3															
			CLO 2							3																	
			CLO 3							3																	
			CLO 4															3									
			CLO 5																3								
		Tổng hợp học phần							3		3							3									
51	5	Lãnh đạo/ Leadership	CLO 1						3																		
			CLO 2								3																
			CLO 3									3															

			CLO 4															4									
			CLO 5																4								
		Tổng hợp học phần						3		3								4									
52	5	Khởi nghiệp kinh doanh trong thời đại số/ Entrepreneurship In The Digital Age	CLO 1															2									
			CLO 2															2									
			CLO 3																		3						
			CLO 4																						3		
			CLO 5																								3
		Tổng hợp học phần																2		3					3		
53	7	Quản trị dự án/ Project Management	CLO 1								2																
			CLO 2													3	3										
			CLO 3																	3							
		Tổng hợp học phần								2					3					3							
54	7	Quản trị chuỗi cung ứng/ Supply Chain Management	CLO 1				2																				
			CLO				2																				

			2																								
			CLO 3													3											
			CLO 4																	3							
			CLO 5																		3						
		Tổng hợp học phần					2									3				3							
55	6	Học phần thực tập cuối khoá (10 tuần) / Internship	CLO 1														3										
			CLO 2															3	3								
			CLO 3																	3	3						
		Tổng hợp học phần														3		**3**		**3**							
56	7	Học phần khóa luận tốt nghiệp/Research Paper	CLO 1				3													**5**	5						
			CLO 2					3								**4**											
			CLO 3														**4**										
			CLO 4															**4**									
			CLO								**3**																

			5																									
		Tổng hợp học phần					**3**			**3**					**4**		**4**		**5**								
57	7	Quản trị quan hệ khách hàng/ Customer Relationship Management	CLO 1												2													
			CLO 2														3											
			CLO 3														3											
			CLO 4														3											
			CLO 5																				4		4			
		Tổng hợp học phần												2		3					4		4				
58	8	Quản trị chất lượng/ Quality Management	CLO 1							2	**2**																	
			CLO 2												**2**	**2**												
			CLO 3												3	**3**			3									
			CLO 4																									
			CLO 5																									
		Tổng hợp học phần								**2**					**3**				3								

59	7	Chiến lược Marketing/ Marketing Strategy	CLO 1													2												
			CLO 2														2											
			CLO 3															3										
			CLO 4																**3**									
			CLO 5																							**3**		
		Tổng hợp học phần														2		**3**								**3**		
60	**7**	Chiến lược kinh doanh số/ Digital Business strategy	CLO 1													4	**4**											
			CLO 2																		**4**							
			CLO 3																							**4**	**4**	
			CLO 4																									
			CLO 5																									4
		Tổng hợp học phần														**4**				4						**4**		
61	**7**	Quản trị sự thay đổi trong bối cảnh quốc tế hóa/ Change	CLO 1															4										
			CLO 2																	4								

		management in the internationalization process																										
			CLO 3																		4							
			CLO 4																							**4**		
			CLO 5																								**4**	
		Tổng hợp học phần															4		4							**4**		
62	7	Quản trị tri thức/ Knowledge Management	CLO 1								**3**	**3**																
			CLO 2														3	**3**										
			CLO 3														**4**	**4**										
			CLO 4																4									
			CLO 5																									
		Tổng hợp học phần									**3**						4		4									
63	7	Quản trị lực lượng bán hàng/ Sales Force Management	CLO 1													2												
			CLO 2														3											
			CLO 3																3									
			CLO 4														3											

			CLO 5																3								
		Tổng hợp học phần													2		3		3								
64	**8**	Quản trị thương hiệu/ Brand Management	CLO 1														4										
			CLO 2																4								
			CLO 3																					4			
			CLO 4																					4			
			CLO 5																								
		Tổng hợp học phần															4		4					4			
65	**8**	Truyền thông Marketing tích hợp/ *Integrated Marketing Communications*	CLO 1												2												
			CLO 2																			3					
			CLO 3																			3					
			CLO 4																					3			
			CLO 5																					3			
		Tổng hợp học phần													2							3		3			

Tổng số lượng học phần theo các mức độ đóng góp																												
		Mức 1			**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
		Mức 2			**26**	**6**	**2**	**1**	**4**	**1**	**15**	**12**	**8**	**0**	**8**	**12**	**4**	**3**	**1**	**2**	**1**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
		Mức 3			**9**	**12**	**5**	**5**	**8**	**2**	**10**	**11**	**4**	**5**	**2**	**18**	**14**	**12**	**7**	**18**	**12**	**2**	**5**	**2**	**5**	**0**	**2**	
		Mức 4			**0**	**1**	**2**	**1**	**2**	**0**	**1**	**0**	**0**	**0**	**0**	**8**	**8**	**7**	**4**	**3**	**3**	**2**	**1**	**1**	**5**	**4**	**3**	
		Học phần đóng góp																										
		Học phần đánh giá PI			**35**	**19**	**9**	**7**	**14**	**3**	**26**	**23**	**12**	**5**	**10**	**38**	**26**	**22**	**12**	**23**	**16**	**4**	**6**	**3**	**10**	**4**	**5**	
		Học phần đánh giá PLO			**54**		**16**		**17**		**49**		**27**			**64**		**34**		**39**		**4**	**9**		**19**			

16. Mô tả tóm tắt nội dung học phần:

TT	Mã HP	Tên Học phần	Mô tả
1	MLM306	Triết học Mác - Lênin	Triết học Mác – Lênin là môn học thuộc giai đoạn đại cương, cung cấp kiến thức chung nhằm trang bị thế giới quan duy vật khoa học và phương pháp luận biện chứng duy vật cho người học. Môn học giúp người học xác định đúng vai trò, vị trí của triết học Mác – Lênin trong đời sống xã hội; nâng cao bản lĩnh chính trị, từng bước hình thành những giá trị văn hoá và nhân sinh quan tốt đẹp, củng cố lý tưởng, niềm tin vào con đường và sự nghiệp xây dựng, phát triển đất nước từ đó nâng cao ý thức trách nhiệm xã hội phù hợp trong vị trí việc làm và cuộc sống sau khi người học tốt nghiệp.
2	MLM307	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	Kinh tế chính trị Mác – Lênin là môn học thuộc giai đoạn đại cương nghiên cứu các quan hệ xã hội của con người trong quá trình sản xuất, trao đổi, tiêu dùng của cải vật chất qua các giai đoạn phát triển của lịch sử xã hội loài người. Thông qua đó, làm rõ bản chất của các quá trình và các hiện tượng kinh tế, tìm

			ra các quy luật vận động của nền kinh tế - xã hội.
3	MLM308	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Chủ nghĩa xã hội khoa học là môn học thuộc giai đoạn đại cương nghiên cứu những quy luật tất yếu của sự ra đời hình thái kinh tế xã hội cộng sản chủ nghĩa; những vấn đề chính trị - xã hội có tính quy luật trong tiến trình cách mạng xã hội chủ nghĩa trên thế giới và trong đời sống hiện thực ở Việt Nam hiện nay.
4	MLM309	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam là môn học thuộc giai đoạn đại cương, bao gồm 4 chương, cung cấp các kiến thức cơ bản về: sự ra đời của Đảng; quá trình lãnh đạo cách mạng của Đảng trong các giai đoạn; thành công, hạn chế, bài học kinh nghiệm về sự lãnh đạo của Đảng, nhằm giúp người học nâng cao nhận thức, niềm tin đối với Đảng và khả năng vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn công tác, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN.
5	MLM303	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Tư tưởng Hồ Chí Minh là môn học thuộc giai đoạn đại cương, bao gồm 6 chương, cung cấp các kiến thức cốt lõi về: Quá trình hình thành, phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; Độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; Đảng Cộng sản và Nhà nước Việt Nam; Đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; Văn hóa, đạo đức, con người và sự vận dụng của Đảng Cộng sản trong cách mạng Việt Nam, Qua môn học này sinh viên được nâng cao bản lĩnh chính trị, yêu nước, trung thành với mục tiêu, lý tưởng của cách mạng Việt Nam; nâng cao được trách nhiệm của bản thân trong việc học tập, rèn luyện để góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ Quốc.
6	AMA301	Toán cao cấp 1	- Toán cao cấp 1 là môn học thuộc khối kiến thức đại cương. Môn học sẽ cung cấp cho người học những kiến thức về toán Đại số tuyến tính ứng dụng trong phân tích kinh tế. Nội dung bao gồm: ma trận, hệ phương trình tuyến tính, không gian vectơ và một số ứng dụng trong kinh tế. - Đây là môn học tiền đề cho môn Toán cao cấp 2.
7	AMA302	Toán cao cấp 2	Toán cao cấp 2 là môn học thuộc khối kiến thức đại cương. Môn học sẽ cung cấp cho người học những kiến thức về ứng dụng của toán giải tích trong phân tích kinh tế. Nội dung bao gồm: giới hạn, liên tục, đạo hàm và vi phân, tích phân của hàm số một biến số; đạo hàm riêng và vi phân toàn phần, cực trị của hàm nhiều biến; phương trình vi phân cấp 1, cấp 2.

8	AMA303	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	Lý thuyết xác suất và thống kê toán thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương. Môn học trang bị cho sinh viên lý thuyết về xác suất và thống kê để tiếp cận khối kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành; giúp sinh viên bước đầu biết cách vận dụng kiến thức môn học trong các lĩnh vực thuộc khối ngành kinh doanh và quản lý.
9	LAW349	Pháp luật đại cương	Môn học bắt buộc thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương. Môn học cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về nhà nước và pháp luật, bao gồm: - Lý luận cơ bản về nhà nước và Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam. - Lý luận cơ bản về pháp luật, cơ chế điều chỉnh pháp luật liên quan đến quy phạm pháp luật, quan hệ pháp luật, vi phạm pháp luật, trách nhiệm pháp lý. - Nội dung một số lĩnh vực pháp luật: Luật Hành chính, Luật Hình sự, Luật Dân sự, Luật Lao động, Pháp luật Tố tụng (hình sự, dân sự, hành chính), pháp luật quyền con người và phòng chống tham nhũng. Khi học xong môn học, người học có thể **hiểu** được hành vi thực hiện pháp luật, vi phạm pháp luật và nội dung cơ bản một số lĩnh vực pháp luật để từ đó có thể **vận dụng** pháp luật và thực hiện hoạt động nghề nghiệp với tinh thần trách nhiệm và ý thức tuân thủ pháp luật, từ đó góp phần kiến tạo, bảo vệ công lý; **vận dụng** quy định pháp luật để bảo vệ mình và cho người khác trên cơ sở thượng tôn pháp luật.
10	LOG708	Kỹ thuật ra quyết định	Môn học thuộc kiến thức đại cương tự chọn thuộc bậc đại học. Môn học này được thiết kế để giới thiệu cho sinh viên các nguyên tắc, kỹ thuật và công cụ để mô hình hóa lẫn giải quyết các vấn đề ra quyết định. Kỹ thuật ra quyết định sẽ giúp sinh viên có thể vận dụng tư duy phản biện để ra quyết định về lựa chọn: mô hình mô hình kinh doanh, chiến lược kinh doanh, khởi nghiệp kinh doanh, và các vấn đề khác trong kinh doanh.
11	SOC301	Cơ sở văn hoá Việt Nam	Cơ sở văn hóa Việt Nam là môn học thuộc giai đoạn đại cương, cung cấp cho sinh viên hai khối kiến thức cơ bản: phần thứ nhất cung cấp những tiền đề lý luận chung về văn hóa và văn hóa học; phần thứ

			hai cung cấp các kiến thức cơ bản, hệ thống về văn hóa Việt Nam. Môn học có ý nghĩa thiết thực về khoa học và hoạt động thực tiễn, giúp bổ sung những vấn đề lý thuyết và phương pháp tiếp cận nghiên cứu văn hóa Việt Nam.
12	SOC303	Tâm lý học	Tâm lý học là là môn khoa học xã hội học thuộc giai đoạn đại cương, nghiên cứu các hiện tượng tinh thần của con người như: bản chất tâm lý người, các hiện tượng tâm lý người, sự hình thành và phát triển tâm lý - ý thức, các quá trình nhận thức, đời sống tình cảm và ý chí, nhân cách và sự hình thành phát triển nhân cách của con người.
13	MAG709	Tư duy phản biện	Tư duy phản biện là môn học thuộc kiến thức đại cương, đóng vai trò cực kỳ quan trọng trong việc định hình cách thức tư duy của sinh viên Khoa Quản trị kinh doanh nói riêng và sinh viên trường đại học ngân hàng nói chung. Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng về khái niệm, nguyên lý và quy tắc nền tảng.
14	MLM305	Logic học	Logic học là môn học thuộc giai đoạn đại cương được xây dựng để cung cấp cho người học những tri thức cơ bản về các hình thức và quy luật của tư duy. Môn học giúp nâng cao khả năng tư duy của người học; biết cách định nghĩa các khái niệm; thiết lập được các phán đoán, các suy luận; biết cách lập luận, cách chứng minh hoặc bác bỏ một quan điểm, luận đề; nhận ra ngụy biện và cách phản bác ngụy biện.
15	MES302	Kinh tế học vi mô	Kinh tế học vi mô là môn học thuộc khối kiến thức cơ sở khối ngành. Môn học nhằm hướng đến các mục tiêu: (i) Cung cấp kiến thức nền tảng về kinh tế học nói chung và kinh tế học vi mô nói riêng; (ii) Thực hành một số kỹ năng cần thiết như: Kỹ năng đọc, kỹ năng tự học, kỹ năng làm việc nhóm. Để đạt được các mục tiêu trên, môn học sẽ cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản gồm: Mười nguyên lý kinh tế học; các lý thuyết về cung – cầu; các cấu trúc thị trường; lý thuyết hành vi của người tiêu dùng và của doanh nghiệp.
16	MES303	Kinh tế học vĩ mô	Kinh tế học vĩ mô là môn học bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ sở khối ngành. Môn học nhằm hướng đến mục tiêu trang bị cho sinh viên: (i) hiểu biết về các khái niệm kinh tế vĩ mô cơ bản, cách thức đo

			lường các chỉ tiêu của nền kinh tế vĩ mô và mối quan hệ giữa chúng; (ii) hiểu biết về các chính sách của chính phủ trong điều hành kinh tế vĩ mô. Để đạt được các mục tiêu trên, môn học gồm 8 chương, cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về kinh tế học vĩ mô, bao gồm: tổng quan về kinh tế học vĩ mô, dữ liệu kinh tế vĩ mô, sản xuất và tăng trưởng, hệ thống tiền tệ, tổng cầu và tổng cung, chính sách tiền tệ và chính sách tài khóa, lạm phát và thất nghiệp, kinh tế học vĩ mô của nền kinh tế mở.
17	MAG701	Nhập môn ngành Quản trị kinh doanh	Học phần giới thiệu cho người học hiểu rõ chương trình đào tạo ngành quản trị kinh doanh, bao gồm kết cấu và nội dung chính của chương trình, những khối kiến thức cơ sở ngành và kiến thức chuyên ngành. Học phần này cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về quản trị, bao gồm chức năng cơ bản của hoạt động quản trị, sự tác động của các yếu tố môi trường đối với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, chức năng quản trị, hoạt động quản trị nguồn nhân lực, quản trị chiến lược, quản trị marketing, quản trị tài chính, và quản trị sản xuất…, thông qua đó, người học sẽ có cái nhìn tổng quát, hiểu biết về hoạt động kinh doanh và có thể nhận diện môi trường kinh doanh, từ đó định hướng, xác định nhiệm vụ, giải pháp cho hoạt động học tập đạt mục tiêu đào tạo ngành quản trị kinh doanh
18	ACC301	Nguyên lý kế toán	Môn học Nguyên lý kế toán thuộc khối kiến thức cơ sở ngành trong chương trình đào tạo. Môn học cung cấp các kiến thức cơ bản về kế toán như: khái niệm, đối tượng của kế toán, các phương pháp kế toán, sổ kế toán, hình thức kế toán và tổ chức công tác kế toán để thực hành được quy trình kế toán trong doanh nghiệp theo đúng các quy định pháp luật hiện hành. Hơn nữa, môn học cung cấp các kiến thức kế toán để diễn giải được các vấn đề chuyên môn trong lĩnh vực kinh tế (tài chính, ngân hàng, kế toán, quản trị kinh doanh, kinh tế quốc tế...).
19	LAW304	Luật kinh doanh	Luật kinh doanh là môn học cơ sở, thuộc nhóm kiến thức cơ sở ngành nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức về hoạt động kinh doanh như: chủ thể kinh doanh, điều kiện đầu tư, thành lập, điều hành hoạt động, chấm dứt hoạt động của các chủ thể kinh doanh, các qui định về việc giao kết, thực hiện, chấm dứt hợp đồng trong kinh doanh, các phương thức về giải quyết tranh chấp trong hoạt động kinh doanh, phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã. Ngoài ra, môn học luật kinh doanh còn giúp sinh viên có

			khả năng giải quyết các tình huống pháp luật trong hoạt động kinh doanh.
20	MKE308	Nguyên lý Marketing	Môn học được xây dựng trên cơ sở các nguyên lý cơ bản của marketing. Đây là học phần thuộc kiến thức cơ sở ngành kinh tế. Môn học cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản, khả năng nhận biết, hiểu và bước đầu áp dụng được những nội dung marketing cơ bản vào hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp. Người học cũng được giới thiệu những kiến thức cơ bản liên quan đến việc thu thập thông tin về thị trường, hiểu được hành vi của khách hàng, thực hiện được hoạt động phân khúc thị trường, xác định thị trường mục tiêu và biết cách triển khai bộ công cụ marketing để phục vụ nhu cầu của khách hàng mục tiêu, đồng thời mang lại lợi thế cạnh tranh cho doanh nghiệp.
21	ITS301	Tin học ứng dụng	Môn học trang bị một số kiến thức, kỹ năng cần thiết giúp sinh viên các khối ngành của Trường Đại học Ngân hàng TP. HCM sử dụng tốt máy tính phục vụ cho mục đích học tập, nghiên cứu, và công việc sau này. Sau khi học xong môn học, sinh viên nắm được các kiến thức, kỹ năng nâng cao, sử dụng được các phần mềm MS Excel, SPSS để giải một số bài toán trong phân tích tài chính, phân tích kinh doanh, tổ chức và trình bày dữ liệu báo cáo, thống kê và phân tích dữ liệu.
22	ECE301	Kinh tế lượng	Kinh tế lượng là môn học thuộc khối kiến thức cơ sở ngành. Môn học cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về phân tích hồi quy như phương pháp ước lượng bình phương bé nhất thông thường, suy diễn thống kê và dự báo, cách kiểm định và lựa chọn mô hình hồi quy.
23	MAG322	Quản trị học	Môn học thuộc kiến thức cơ sở ngành. Môn học cung cấp cho người học những kiến thức căn bản của quản trị như: lịch sử phát triển, khái niệm, vai trò, những chức năng của quản trị; những kỹ năng cơ bản của nhà quản trị. Thông qua việc nghiên cứu các tình huống quản trị, người học hiểu rõ hơn các nội dung về lý thuyết và đồng thời từng bước vận dụng các kiến thức học được để giải quyết những vấn đề trong hoạt động quản trị. Bên cạnh đó môn học cũng giới thiệu các xu hướng phát triển các lý thuyết quản trị mới trong giai đoạn hiện nay.
24	FIN301	Lý thuyết tài chính-tiền tệ	*Lý thuyết tài chính tiền tệ* là môn học thuộc khối kiến thức cơ sở ngành. Môn học giới thiệu các kiến thức cơ bản về Tài chính - tiền tệ như: tổng quan về tài chính - tiền tệ, ngân sách nhà nước; những vấn

			đề cơ bản về tín dụng, ngân hàng và thị trường tài chính; các lý luận về cung cầu tiền tệ, lãi suất, lạm phát và chính sách tiền tệ ... Đây là những kiến thức cần thiết và quan trọng làm nền tảng cho quá trình nghiên cứu các vấn đề về kỹ thuật nghiệp vụ chuyên môn trong lĩnh vực kinh tế, tài chính - ngân hàng, công nghệ tài chính. Từ đó, môn học cũng sẽ trang bị cho sinh viên khả năng vận dụng được những vấn đề lý luận cơ bản về tiền tệ, tài chính và hệ thống tài chính; hiểu được cơ cấu tổ chức, chức năng, vai trò của hệ thống định chế tài chính trung gian, trong đó tập trung vào ngân hàng thương mại; vận dụng được những lý luận cơ bản về lưu thông tiền tệ như: ngân hàng trung ương, cung cầu tiền tệ, lạm phát, chính sách tiền tệ.
25	FIN303	Tài chính doanh nghiệp	Tài chính doanh nghiệp là môn học cơ sở ngành nhằm cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản phục vụ cho quá trình ra quyết định về tài chính doanh nghiệp. Bắt đầu với việc định nghĩa và phân tích bản chất của tài chính doanh nghiệp, khóa học nhấn mạnh vào việc hiểu rõ các mục tiêu quản trị tài chính và các quyết định chủ chốt liên quan đến đầu tư, tài trợ, và quản trị tài sản. Một phần quan trọng của khóa học là khám phá giá trị theo thời gian của tiền tệ, bao gồm cả việc học cách tính toán lãi suất và ứng dụng trong định giá trái phiếu và cổ phiếu, lập kế hoạch trả nợ,và đánh giá hiệu quả tài chính của dự án đầu tư. Khóa học cũng tập trung vào lợi nhuận và rủi ro, cung cấp cho người học cái nhìn toàn diện về quản lý rủi ro và đầu tư hiệu quả. Cuối cùng, khóa học đề cập đến chi phí vốn và các lý thuyết cơ cấu vốn, giúp người học hiểu rõ cách xác định chi phí vốn và ra quyết định tài trợ trong doanh nghiệp. Toàn bộ nội dung khóa học được thiết kế để không chỉ cung cấp kiến thức lý thuyết mà còn hướng tới việc ứng dụng thực tiễn, chuẩn bị cho sinh viên những kỹ năng cần thiết để thành công trong lĩnh vực tài chính doanh nghiệp.
26	ACC705	Kế toán tài chính	Học phần Kế toán tài chính thuộc khối kiến thức cơ sở ngành. Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức về kế toán của doanh nghiệp sản xuất bao gồm các phần hành cụ thể: kế toán vốn bằng tiền và các khoản thanh toán; kế toán các yếu tố đầu vào của quá trình sản xuất (kế toán nguyên vật liệu và

			công cụ dụng cụ, kế toán tài sản cố định, kế toán khoản phải trả người lao động); kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm; kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh; kế toán nguồn vốn chủ sở hữu.
27	ENP317	Tiếng Anh chuyên ngành QTKD	Đây là môn học bắt buộc thuộc nhóm môn học cơ sở ngành, bao gồm 4 chương nội dung. Môn học được thiết kế nhằm trang bị cho sinh viên các thuật ngữ tiếng Anh sử dụng trong lĩnh vực quản trị kinh doanh, cụ thể là tuyển dụng trực tuyến, Đào tạo nghề, tiền thưởng, thuê mướn nhân viên theo địa phương và nước ngoài, và quảng cáo công việc. Sinh viên có cơ hội tiếp cận với các kiến thức và bài đọc trích từ các tài liệu liên quan đến lĩnh vực kinh tế, kinh doanh, quản lý, từ đó sinh viên được thực hành 4 kỹ năng ngôn ngữ, vận dụng các kiến thức và từ vựng chuyên ngành thông qua đa dạng các hoạt động như thảo luận nhóm, đối thoại, thuyết trình.
28	INE704	Phương pháp nghiên cứu khoa học	Phương pháp nghiên cứu khoa học là môn học bắt buộc thuộc nhóm môn học kiến thức cơ sở khối ngành được xây dựng để cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về các phương pháp tiến hành hoạt động nghiên cứu một cách có hệ thống và mang tính khoa học. Cụ thể, môn học sẽ giới thiệu cơ bản về vấn đề nghiên cứu, vai trò của nghiên cứu, cách thức xác định vấn đề nghiên cứu, thực hiện lược khảo tài liệu và các nghiên cứu trước có liên quan; đặt câu hỏi nghiên cứu; đạo đức trong nghiên cứu, cách trích dẫn và trình bày tài liệu tham khảo; thu thập số liệu và chọn mẫu; cách trình bày dữ liệu và lựa chọn thiết kế nghiên cứu với các dạng dữ liệu; cách viết đề cương và báo cáo nghiên cứu.
29	MKE302	Hành vi khách hàng	Môn học thuộc kiến thức chuyên ngành Quản trị kinh doanh và Marketing. Môn học cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về hành vi khách hàng như quy trình mua hàng của khách hàng cá nhân và khách hàng tổ chức, các nhân tố tác động đến hành vi mua hàng của khách hàng cá nhân và tổ chức. Sau khi học xong người học có thể phân tích được hành vi mua hàng của khách hàng để có thể đưa ra những quyết định Marketing tốt nhất.

30	MAG323	Quản trị đổi mới và sáng tạo	Quản trị đổi mới và sáng tạo là khía cạnh quan trọng và thách thức của các tổ chức hiện đại. Trong bối cảnh toàn cầu hóa và cạnh tranh khốc liệt, đổi mới trở thành yếu tố then chốt để nâng cao năng lực cạnh tranh và cải thiện chất lượng cuộc sống. Đổi mới không bao giờ đơn giản, luôn khó khăn, không chắc chắn và đầy rủi ro. Ngay cả khi có ý tưởng mới, việc thương mại hóa cũng gặp nhiều thách thức. Do đó, môn học này giúp học viên nắm vững cách thức, công cụ và kỹ thuật cần thiết để quản trị đổi mới. Học viên sẽ được trang bị kiến thức cơ bản và kỹ năng để quản lý hoạt động đổi mới và sáng tạo trong tổ chức, từ cấp độ chiến lược đến thực hiện. Với cách tiếp cận theo tình huống, môn học cung cấp các phương pháp quản trị đổi mới dựa trên ví dụ thực tế và kinh nghiệm từ các tổ chức hàng đầu thế giới.
31	LOG712	Giao dịch thương mại	Học phần Giao dịch thương mại là môn học thuộc khối kiến thức chuyên ngành, cung cấp cho người học kiến thức và các nghiệp vụ chủ yếu về phương thức giao dịch thương mại chủ yếu trên thị trường, các tập quán thương mại trong nước và quốc tế; kỹ năng đàm phán, cách thức soạn thảo và ký kết hợp đồng giao dịch thương mại, tổ chức thực hiện hợp đồng và phương thức thanh toán hợp đồng giao dịch thương mại.
32	ITS304	Hệ thống thông tin quản lý	Hệ thống thông tin quản lý là môn học cơ sở ngành kinh tế - quản trị, được giảng dạy trước các môn chuyên ngành. Môn học hệ thống thông tin quản lý cung cấp kiến thức về các hệ thống thông tin cần thiết phục vụ cho quá trình quản lý và ứng dụng của chúng trong các tổ chức, các doanh nghiệp. Môn học hệ thống thông tin quản lý trình bày các công cụ để hoạch định, tổ chức và phát triển các hệ thống thông tin phù hợp với tổ chức doanh nghiệp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động, tăng lợi thế cạnh tranh cho tổ chức.
33	ACC307	Kế toán quản trị	Môn học này cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về kế toán quản trị; nhận diện và phân loại chi phí theo các tiêu thức khác nhau; phân tích mối quan hệ giữa chi phí – khối lượng – lợi nhuận; lập dự toán ngân sách; đánh giá trách nhiệm quản lý và định giá bán sản phẩm; và ứng dụng thông tin thích hợp trong việc ra quyết định của nhà quản trị.
34	DIM701	Giới thiệu kinh doanh số	Công nghệ kỹ thuật số đã trở thành động lực quan trọng cho các loại sản phẩm và dịch vụ mới, cũng như các hình thức kinh doanh mới. Môn học giới thiệu khái quát các hoạt động kinh doanh dựa trên nền

			tảng kỹ thuật số từ đó nâng cao khả năng cạnh tranh, thông qua cách triển khai các công nghệ kỹ thuật số sáng tạo trong toàn tổ chức. Môn học này không chỉ đơn giản liên quan đến việc sử dụng công nghệ để tự động hóa các quy trình hiện có, mà là chuyển đổi kỹ thuật số bằng cách áp dụng công nghệ để giúp thay đổi các quy trình nhằm tăng giá trị cho doanh nghiệp và khách hàng. Những kiến thức tổng quát về hoạt động kinh doanh số liên quan đến việc xem xét cách thức truyền thông điện tử có thể được sử dụng để nâng cao, cũng như tối ưu hóa chuỗi giá trị của tổ chức cũng được đề cập trong nội dung của môn học.
35	ITS704	Hệ thống hoạch định nguồn lực doanh nghiệp	Hệ hoạch định nguồn lực doanh nghiệp là môn học bắt buộc thuộc khối kiến thức ngành. Môn học này cung cấp những kiến thức cơ bản về hệ hoạch định nguồn lực doanh nghiệp bao gồm các khái niệm cơ bản, phạm vi áp dụng, các quy trình nghiệp vụ trong doanh nghiệp / tổ chức, cũng như cung cấp cho người học các kỹ năng thực hành trên một hệ hoạch định nguồn lực doanh nghiệp thực tế. Đồng thời giúp cho người học tiếp cận với các công nghệ và cách thức triển khai hệ hoạch định nguồn lực doanh nghiệp phổ biến.
36	DAT722	Khoa học dữ liệu cho kinh doanh	Môn học trang bị trang bị cho sinh viên các kiến thức về khoa học dữ liệu ứng dụng trong kinh doanh sử dụng ngôn ngữ lập trình Python và các công cụ trong hệ sinh thái ứng dụng khoa học dữ liệu vào lĩnh vực kinh doanh. Cụ thể, các sinh viên sẽ được học lý thuyết và thực hành các công cụ về xử lý, thống kê và trực quan hoá dữ liệu như Matplotlib, Numpy, Numba, Pandas, SciPy, Scikit-Learn, StatsModels, và nhiều công cụ hiện đại khác được cập nhật liên tục theo sự phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học dữ liệu. Sinh viên sẽ được hướng dẫn vận dụng các kiến thức về khoa học dữ liệu và học máy đã học một cách hệ thống để giải quyết các vấn đề chuyên môn trong lĩnh vực kính doanh và các lĩnh vực khác như tài chính - ngân hàng .Sinh viên cũng được học và thực hành với các giải thuật học máy cơ bản, bao gồm các kiến thức và giải thuật học có giám sát, học không có giám sát ứng dụng vào phân loại, thu giảm chiều và gom cụm dữ liệu, các kỹ thuật tinh chỉnh tham số và các độ đo hiệu quả của các giải thuật học máy.
37	DIM708	Sáng tạo và thiết kế trong thời đại số	Môn học được xây dựng trên cơ sở các nguyên lý cơ bản của marketing. Đây là học phần thuộc kiến

			thức chuyên ngành ngành kinh tế. Môn học cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản, khả năng nhận biết, hiểu và bước đầu áp dụng được những nội dung về tư duy sáng tạo và thiết kết vào hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp trong thời đại số. Người học cũng được giới thiệu những kiến thức liên quan đến quá trình nảy sinh các ý tưởng, cách đánh giá và cách chia sẽ ý tưởng với những người xung quanh. Người học có khả năng khai thác năng lực sáng tạo của mình và những người xung quanh.
38	DIM706	Marketing số	Marketing số (digital marketing) là xu hướng tất yếu của marketing hiện đại. Môn học là phần tiếp nối của nguyên lý marketing áp dụng trong ngành marketing và đề cập trực tiếp các phương pháp, công cụ, hướng tiếp cận của marketing số. Qua đó giúp người học có được hướng tiếp cận và cách xử lý vấn đề phù hợp với tình hình phát triển mới của khoa học công nghệ trong công tác cung cấp dịch vụ tới khách hàng cả B2B và B2C.
39	MAG707	Truyền thông kinh doanh	Môn học trang bị cho người học những kiến thức và kỹ năng cần thiết nhằm giúp người học có thể giao tiếp, truyền thông hiệu quả trong hoạt động kinh doanh. Môn học góp phần giúp cho người học hình thành khả năng tổ chức, làm việc nhóm và có thể giao tiếp hiệu quả trong môi trường hội nhập quốc tế. Sau khi học xong môn học, người học có thể nắm được những vấn đề cốt lõi trong hoạt động giao tiếp, truyền thông nói chung và trong hoạt động sản xuất kinh doanh nói riêng. Đồng thời, môn học cũng giúp người học rèn luyện những kỹ năng cần thiết trong quá trình tìm kiếm việc làm và quá trình làm việc sau khi ra trường như: Kỹ năng thuyết trình; kỹ năng giao tiếp bằng văn bản; kỹ năng giao tiếp trong tìm kiếm việc làm,…
40	DIM738	Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp	Môn học cho người học cái nhìn tổng quan về các vấn đề chính yếu thuộc CSR và các thách thức mà doanh nghiệp đang đối mặt khi đưa các nguyên tắc CSR vào thực tiễn. Môn học giúp xem xét việc thực thi trách nhiệm của doanh nghiệp đối với xã hội và làm thế nào để cân bằng việc kinh doanh và CSR. Môn học giúp người học nhận diện hoạt động nào là CSR, ra quyết định liên quan và làm thế nào để truyền thông về CSR đến nhóm công chúng mục tiêu. Môn học cũng giới thiệu một số trường hợp liên quan đến phát triển bền vững và vai trò của doanh nghiệp trong việc phát triển này.

			Môn học bao gồm những vấn đề về mối quan hệ giữa doanh nghiệp, xã hội và chính quyền, những vấn đề về môi trường, quản trị doanh nghiệp, các khía cạnh quản lý liên quan đến xã hội và đạo đức kinh doanh, hiểu các bên liên quan (công chúng của doanh nghiệp), nhu cầu của họ và những thách thức mà doanh nghiệp đáp ứng những yêu cầu mới của xã hội. Môn học sẽ cung cấp cho người học kiến thức và kỹ năng để nâng cao tính bền vững và giá trị của doanh nghiệp. Người học sẽ có cơ hội giải quyết một số tình huống trong thực tiễn về CSR, đạo đức kinh doanh và tính trách nhiệm đối với công chúng bên trong và bên ngoài của doanh nghiệp.
41	MAG306	Quản trị vận hành	Môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức căn bản để quản trị vận hành một hệ thống sản xuất trên cơ sở quan điểm hiện đại tại doanh nghiệp. Giúp cho sinh viên có được những nhận thức căn bản để phối hợp các phương pháp và các công cụ kỹ thuật nhằm đảm bảo được năng suất và hiệu quả trong quá trình vận hành. Nội dung môn học bao gồm việc đề cập đến kỹ năng, cách thức dự báo, điều phối, các quyết định liên quan đến quá trình sản xuất để nhà quản trị điều hành tốt trong môi trường sản xuất và cung cấp dịch vụ tại doanh nghiệp trong tương lai.
42	MAG313	Quản trị chiến lược	Quản trị chiến lược là môn học thuộc kiến thức ngành, có tính chất đá tảng và cốt yếu cho sinh viên Quản trị kinh doanh. Môn học cung cấp cho sinh viên kiến thức chủ yếu về chiến lược và quản trị chiến lược, với vai trò vẽ ra một con đường để đi với các cam kết chặt chẽ. Nội dung chính của môn học gồm: Phân tích môi trường kinh doanh của doanh nghiệp, hoạch định chiến lược, tổ chức thực hiện chiến lược, kiểm soát chiến lược. Sau khi hoàn thành môn học, người học có khả năng tham gia thực hiện quy trình quản trị chiến lược trong các loại hình tổ chức kinh doanh.
43	MAG320	Quản trị nguồn nhân lực	Quản trị nguồn nhân lực là môn học thuộc khối kiến thức ngành. Môn học nhằm trang bị cho sinh viên những năng lực cơ bản về quản trị nguồn nhân lực hiệu quả trong tổ chức. Nó chú trọng vào việc cung cấp sự hiểu biết các kiến thức hiện đại về quản trị nguồn nhân lực, nắm được các kỹ năng, công cụ sử dụng để thực hiện các chức năng quản trị nguồn nhân lực và ứng dụng trong phân tích, đánh giá các nghiên cứu trong lĩnh vực quản trị nguồn nhân lực, hành vi của nhân viên trong thời đại nền kinh tế toàn cầu. Sau khi học xong người học có thể đạt năng lực, kỹ năng hoạch định nguồn nhân lực, xây dựng dự

			án phân tích công việc, các hoạt động tuyển dụng, đào tạo – phát triển, đánh giá thành tích và chiến lược đãi ngộ nhằm xây dựng một nguồn nhân lực hiệu quả, năng động đáp ứng yêu cầu của chiến lược kinh doanh của tổ chức.
44	MAG309	Quản trị Marketing	Môn học cung cấp các cơ sở khoa học về quản trị Marketing. Đây là học phần thuộc kiến thức chuyên ngành Quản trị kinh doanh tổng hợp và Marketing. Môn học cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản và khả năng áp dụng tiến trình quản trị marketing trong doanh nghiệp cũng như các loại hình tổ chức khác, với các nội dung chính về: phân tích môi trường marketing của doanh nghiệp, xây dựng chiến lược phân khúc thị trường, lựa chọn thị trường mục tiêu và định vị thị trường, tổ chức thực hiện, đánh giá, điều chỉnh chiến lược marketing trong mối quan hệ với chiến lược tổng quát của doanh nghiệp.
45	MAG703	Quản trị hiệu suất	Môn học được xây dựng gồm có các cơ sở khoa học về quản trị hiệu suất, là học phần thuộc kiến thức tư chọn thuộc ngành, mang tính chất bổ trợ kiến thức cho sinh viên khối ngành kinh tế nói chung và sinh viên khoa quản trị kinh doanh nói riêng. Môn học cung cấp cho sinh viên những hiểu biết: (1) các vấn đề về quản trị hiệu suất liên quan đến phương pháp, chiến lược, xây dựng hệ thống; (2) nắm bắt, xây dựng, áp dụng được các mô hình quản trị hiệu suất vào các loại hình kinh doanh khác nhau, đồng thời thực hiện được các hoạt động để nâng cao hiệu quả quản trị hiệu suất trong thực tiễn kinh doanh.
46	FIN305	Quản trị tài chính doanh nghiệp	Môn học bao gồm 5 chương, nhằm cung cấp cho người học những kiến thức chuyên ngành về quản trị tài chính doanh nghiệp nhằm mục đích gia tăng giá trị doanh nghiệp. Các nội dung của môn học gồm những kiến thức liên quan đến quản trị tài sản ngắn hạn, quyết định đầu tư dài hạn thông qua việc hoạch định ngân sách vốn đầu tư, các kiến thức về các nguồn tài trợ của doanh nghiệp, chính sách cổ tức, lập kế hoạch tài chính và dự báo tài chính.
47	ITS726	Quản trị dữ liệu	Môn học là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức ngành. Môn học cung cấp kiến thức về hệ thống hướng cơ sở dữ liệu và khung quản trị dữ liệu trong các doanh nghiệp số. Sau khi học xong môn học, sinh viên có khả năng thiết kế được cơ sở dữ liệu và định hình được con đường phát triển khung quản trị

			dữ liệu của doanh nghiệp.
48	DAT712	Phân tích dữ liệu lớn	Môn học cung cấp các khái niệm và kiến thức cơ bản và nâng cao về dữ liệu lớn, các phương pháp phân tích dữ liệu lớn. Môn học sẽ giới thiệu về tổ chức và lưu trữ và xử lý dữ liệu lớn cũng như các kỹ thuật khai phá và phân tích dữ liệu lớn: map-reduce, khai thác tập mục phổ biến, phân cụm dữ liệu, thu giảm chiều dữ liệu, hệ khuyến nghị, phân tích dữ liệu mạng xã hội, tiếp thị tính toán,... Ngoài ra, người học cũng sẽ được tìm hiểu, nghiên cứu chuyên sâu hơn về các kỹ thuật và thuật toán phân tích dữ liệu lớn đang được triển khai bởi các công ty công nghệ lớn trên thế giới.
49	MG013_2	Hành vi tổ chức	Môn Hành vi tổ chức là môn học nằm trong khối kiến thức ngành. Môn học này trang bị cho sinh viên kiến thức, kỹ năng về quản lý và sử dụng một cách hiệu quả nhân sự trong tổ chức. Nội dung môn học sẽ cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản để phân tích, giải thích và dự đoán hành vi con người trong tổ chức; những ảnh hưởng của hành vi đến quá trình thực hiện nhiệm vụ trong tổ chức. Nghiên cứu hành vi tổ chức được thực hiện trên cả ba cấp độ: cá nhân, nhóm và tổ chức. Kỹ năng nhân sự là một trong những kỹ năng quan trọng nhất quyết định sự thành công của nhà quản trị, nghiên cứu hành vi tổ chức giúp họ hoàn thiện kỹ năng này.
50	MAG304	Lãnh đạo	Môn học nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức về vai trò của nhà lãnh đạo trong việc thay đổi, phát triển, và hoàn thiện những cơ cấu và giá trị của tổ chức. Môn học giúp sinh viên hiểu về những trường phái nghiên cứu về lãnh đạo nhằm ứng dụng trong hoạt động quản trị và điều hành tổ chức, doanh nghiệp. Môn học đặc biệt chú trọng vào việc phát triển các lý thuyết, thực tiễn và năng lực của lãnh đạo hiện đại trong điều kiện toàn cầu hóa, bùng nổ tri thức, thay đổi rất nhanh. Sau khi học xong môn học, sinh viên có thể nắm vững kỹ năng lãnh đạo nhằm phát triển tầm nhìn chiến lược, năng lực lãnh đạo và quản lý sự thay đổi từ đó nâng cao hiệu quả của tổ chức.
51	DIM703	Khởi nghiệp kinh doanh trong thời đại số	Môn học là học phần thuộc kiến thức chuyên ngành Quản trị kinh doanh. Môn học cung cấp cho sinh viên nền tảng kiến thức và kĩ năng ứng dụng từ các lĩnh vực về quản trị, tài chính, nhân sự, Marketing

			để hình thành ý tưởng và hiện thực hóa ý tưởng khởi nghiệp. Nội dung bao gồm sáng tạo ý tưởng khởi nghiệp, lập kế hoạch khởi nghiệp và tổ chức hoạt động khởi nghiệp. Sau khi học xong, sinh viên có được khả năng: 1. Tìm kiếm và đánh giá ý tưởng; 2. Phân tích được thị trường và nhu cầu của khách hàng về sản phẩm, dịch vụ; 3. Xây dựng được kế hoạch kinh doanh; 4. Triển khai thực hiện kế hoạch khởi nghiệp kinh doanh; 5. Định hướng trở thành doanh nhân.
52	MAG308	Quản trị dự án	Môn học thuộc khối kiến thức chuyên ngành, nội dung chính cung cấp cho người học các kiến thức về quản trị dự án mà cụ thể là: vai trò và trách nhiệm của nhà quản trị dự án; các mô hình quản trị dự án; các kiến thức quản trị dự án về thời gian, tiến độ, chi phí, nguồn lực… Để từ đó người học có thể vận dụng vào việc phân tích, đánh giá, so sánh lựa chọn dự án; hoạch định, lập tiến độ và điều chỉnh tiến độ của dự án; bố trí nguồn lực hợp lý; kiểm soát dự án và các vấn đề liên quan.
53	MAG307	Quản trị chuỗi cung ứng	Môn học được xây dựng gồm có các cơ sở khoa học chuỗi cung ứng và việc quản lý chuỗi cung ứng, là học phần thuộc kiến thức ngành Logistics và quản lý chuỗi cung ứng. Môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức về quản trị chuỗi cung ứng, bao gồm các khái niệm, định nghĩa, giá trị, mục đích, phương pháp, và các kỹ thuật, kỹ năng xây dựng hệ thống quản trị chuỗi cung ứng để người học được cái nhìn tổng quát quản trị doanh nghiệp trong lĩnh vực Logistics và quản lý chuỗi cung ứng trước khi đi vào các nôi dung chuyên sâu nghề nghiệp.
54	INT305	Học phần thực tập tốt nghiệp	Thực tập tốt nghiệp là học phần bắt buộc thuộc học kỳ cuối của chuyên ngành quản trị kinh doanh.Trong học phần này sinh viên sẽ quan sát, phân tích thực tế và khám phá, các hoạt động nghiệp vụ liên quan đến các đơn vị chức năng của một tổ chức/doanh nghiệp; liên hệ, đối chiếu giữa lý luận với thực tiễn từ đó rút ra những bài học kinh nghiệm, đề xuất các kiến nghị cần thiết cho các bên liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp trong một lĩnh vực kinh doanh cụ thể. Thông qua học phần này, sinh viên sẽ lĩnh hội tri thức và kinh nghiệm từ thực tiễn kinh doanh; rèn luyện kỹ năng giao tiếp, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng xử lý các quy trình tác nghiệp của một chức danh nghề nghiệp cụ thể; trau dồi

			đạo đức, phong cách nghề nghiệp để chuẩn bị cho nghề nghiệp tương lai trong lĩnh vực quản trị kinh doanh.
55	REP305	Học phần khóa luận tốt nghiệp	Khóa luận tốt nghiệp chuyên ngành quản trị kinh doanh là một nghiên cứu dành cho những sinh viên thỏa các điều kiện để được thực hiện Học phần khóa luận tốt nghiệp theo quy chế đào tạo của Trường. Dưới sự hướng dẫn của giảng viên, sinh viên sẽ chọn vấn đề nghiên cứu thuộc lĩnh vực Quản trị Kinh doanh; trên cơ sở nền tảng lý thuyết đã được học, sinh viên phải xác định rõ mục tiêu, đối tượng, phạm vi nghiên cứu và vận dụng các kiến thức, cũng như sử dụng các phương pháp nghiên cứu để giải quyết các mục tiêu nghiên cứu đã đề ra một cách khoa học, có hệ thống; từ đó giúp sinh viên hình thành năng lực nghiên cứu.
56	MAG316	Quản trị quan hệ khách hàng	Môn học nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về mối quan hệ giữa khách hàng với doanh nghiệp, vai trò dối với doanh nghiệp và các định hướng chiến lược để tạo lập, duy trì và phát triển mối quan hệ này. Môn học giúp sinh viên hiểu về mô hình tổng quan và các nội dung doanh nghiệp cần thực hiện để quản trị quan hệ khách hàng. Môn học đặc biệt chú trọng vào việc cung cấp cho sinh viên những kiến thức và quan điểm mang tính chất nền tảng cũng như tư duy chuyển đổi từ hướng chú trọng đến giao dịch sang tư duy xây dựng và giúp dpanh nghiệp gắn kết lâu dài với khách hàng. Sau khi học xong môn học, sinh viên có thể bước đầu hình thành tư duy định hướng mối quan hệ với khách hàng nhằm phát triển tầm nhìn chiến lược, năng lực lãnh đạo và quản lý sự thay đổi từ đó nâng cao hiệu quả của tổ chức.
57	MAG312	Quản trị chất lượng	Môn học này thuộc kiến thức chuyên ngành. Môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức căn bản về quản trị chất lượng như các khái niệm về chất lượng, các yếu tố hình thành nên chất lượng, các tiêu chí đánh giá chất lượng, các mô hình, phương pháp quản lý chất lượng … từ đó vận dụng để phát triển các kỹ năng giải quyết các vấn đề chất lượng và quản trị chất lượng hiện đại cho người học.
58	INB724	Chiến lược Marketing	Chiến lược Marketing là môn học thuộc khối kiến thức chuyên ngành Kinh doanh Quốc tế. Môn học

			này hệ thống các lý thuyết cũng như những ví dụ thực tiễn, sinh động về chiến lược Marketing của các công ty trên toàn cầu. Qua đó trang bị các kiến thức cơ bản về tổ chức hoạch định và triển khai chiến lược marketing của doanh nghiệp trên nhiều bình diện, từ cấp độ chiến lược toàn cầu của tổng công ty đến các đơn vị kinh doanh cấp quốc gia. Đồng thời, môn học còn cung cấp cho người học những công cụ phân tích và xây dựng một chiến lược Marketing hiệu quả và toàn diện.
59	DIM702	Chiến lược kinh doanh số	Với sự phát triển nhanh chóng của công nghệ, các doanh nghiệp kinh doanh phải đối diện với sự chuyển đổi mô hình kinh doanh truyền thống sang mô hình kinh doanh dựa trên nền tảng công nghệ. Do đó, các doanh nghiệp phải xây dựng các chiến lược kinh doanh phù hợp với xu hướng mới. Môn học chiến lược kinh doanh số được xây dựng nhằm cung cấp cho người học những kiến thức nền tảng về chiến lược kinh doanh trong nền tảng công nghệ số. Nội dung tập trung vào các vấn đề về chiến lược kinh doanh số như phân tích môi trường kinh doanh số, xây dựng, lựa chọn và triển khai thực hiện chiến lược kinh doanh số.
60	MAG705	Quản trị sự thay đổi trong bối cảnh quốc tế hoá	Môn học này là học phần thay thế tốt nghiệp. Môn học trang bị cho người học khả năng vận dụng những kiến thức cần thiết trong quản trị tổ chức để nhận diện vấn đề và đề xuất các sáng kiến nhằm nâng cao hiệu quả của tổ chức. Cụ thể, người học sẽ nắm được các đặc trưng về sự thay đổi như hình thức thay đổi, loại thay đổi những áp lực khiến cho tổ chức phải thay đổi. Người học cũng được cung cấp các kiến thức về những mô hình quản trị và dẫn dắt sự thay đổi, quy trình quản trị sự thay đổi, những phản ứng của các cá nhân trong tổ chức trước những thay đổi đó. Từ đó, người học sẽ có thể vận dụng các kiến thức để lập được kế hoạch, theo dõi, kiểm soát quá trình thay đổi trong tổ chức đồng thời đưa ra những biện pháp xử lý những phản ứng tiêu cực của con người trong quá trình thay đổi. Môn học cũng giúp cho người học nhận thức được tầm quan trọng của việc quản trị sự thay đổi từ đó có thái độ tích cực hơn với những thay đổi trong môi trường công việc. Đặc biệt môn học sẽ đem lại cho người học kiến thức để nhận biết các áp lực thay đổi đối với tổ chức khi tham gia vào quá trình quốc tế hóa và kỹ năng cần thiết để dẫn dắt thay đổi thành công trong bối cảnh đó.
61	MAG706	Quản trị tri thức	Môn học giới thiệu bản chất của tri thức, vốn tri thức, các nguyên tắc cơ bản, mô hình và chu trình về

			quản trị tri thức trong tổ chức kinh doanh. Môn học cũng giúp các sinh viên ngành quản trị kinh doanh hiểu quản trị doanh nghiệp dựa trên tri thức là con đường để củng cố thành quả kinh doanh của doanh nghiệp. Môn học trọng tâm vào quá trình xây dựng chiến lược, thiết kế hệ thống quản trị tri thức, tích hợp với quy trình kinh doanh nhằm phát triển vốn tri thức, mang lại giá trị, duy trì lợi thế cạnh tranh dựa trên vốn tri thức của doanh nghiệp.
62	MAG704	Quản trị lực lượng bán hàng	Môn học này là môn học thay thế học phần tốt nghiệp cho chuyên ngành quản trị kinh doanh tổng hợp và quản trị marketing. Môn học sẽ cung cấp cho sinh viên những kiến thức căn bản về quản trị bán hàng và hoạt động bán hàng cho nhà sản xuất, các đại lý bán sỉ, bán lẻ; các chức năng bán hàng hiệu quả. Môn học sẽ đề cập từ những khái niệm về bán hàng, các kiến thức cần thiết của người bán hàng, đến quy trình, kỹ thuật bán lẻ hàng hóa, các chiến lược bán hàng hiệu quả. Đồng thời sinh viên cũng được tiếp cận với các phương thức tổ chức quản lý bán hàng, phương pháp xây dựng tổ chức bán hàng, các biện pháp thúc đẩy bán hàng hiệu quả và các công cụ đánh giá hệ thống bán hàng.. Sinh viên vừa học lý thuyết vừa thực hành thông qua thảo luận, giải quyết vấn đề theo tình huống; tự tìm hiểu thực tế và thu thập thông tin để viết báo cáo chuyên đề.
63	MKE306	Quản trị thương hiệu	Quản trị thương hiệu là môn học thuộc khối kiến thức học phần thay thế tốt nghiệp. Môn học nhằm trang bị cho sinh viên những năng lực cơ bản về quản trị thương hiệu tổ chức hiệu quả. Nó chú trọng vào việc cung cấp sự hiểu biết các kiến thức hiện đại về hoạt động xây dựng hệ thống nhận diện, thiết lập định vị, truyền thông, xây dựng phát triển và quản trị tài sản thương hiệu, nắm được các kỹ năng, công cụ sử dụng để thực hiện các chức năng quản trị thương hiệu và ứng dụng trong phân tích, đánh giá các nghiên cứu trong lĩnh vực quản trị thương hiệu trong thời đại nền kinh tế toàn cầu. Sau khi học xong người học có thể đạt năng lực, kỹ năng hoạch định, phân tích, đánh giá hoạt động xây dựng thương hiệu – phát triển tầm nhìn chiến lược, các năng lực cần thiết cho nhà quản trị thương hiệu năng động đáp ứng yêu cầu của chiến lược kinh doanh của tổ chức.

64	MKE307	Truyền thông Marketing tích hợp	Học phần cung cấp kiến thức cơ bản về truyền thông marketing tích hợp (Integrated Marketing communication-IMC), bao gồm vai trò của quảng cáo và các chức năng truyền thông marketing tích hợp khác cũng như cách sử dụng các kỹ thuật này để thúc đẩy các mục tiêu marketing của tổ chức. Nhấn mạnh sự cân bằng giữa vai trò của chiến lược và hoạt động (chiến thuật) của quảng cáo và các chức năng truyền thông marketing khác. Người học nắm được cấu trúc cơ bản để tạo chiến dịch IMC: nghiên cứu để xác định thông tin chi tiết về khách hàng, phân khúc và nhắm mục tiêu, định vị thương hiệu, xác định nhiều mục tiêu, phát triển chiến lược sáng tạo và truyền thông cũng như xác định cách tốt nhất để đánh giá và đo lường hiệu quả của nỗ lực IMC của tổ chức.
65	REP305	Khoá luận tốt nghiệp	Khóa luận tốt nghiệp chuyên ngành quản trị kinh doanh là một nghiên cứu dành cho những sinh viên thỏa các điều kiện để được thực hiện Học phần khóa luận tốt nghiệp theo quy chế đào tạo của Trường. Dưới sự hướng dẫn của giảng viên, sinh viên sẽ chọn vấn đề nghiên cứu thuộc lĩnh vực Quản trị Kinh doanh; trên cơ sở nền tảng lý thuyết đã được học, sinh viên phải xác định rõ mục tiêu, đối tượng, phạm vi nghiên cứu và vận dụng các kiến thức, cũng như sử dụng các phương pháp nghiên cứu để giải quyết các mục tiêu nghiên cứu đã đề ra một cách khoa học, có hệ thống; từ đó giúp sinh viên hình thành năng lực nghiên cứu.

17. Hướng dẫn thực hiện

17.1. Dạy và học trực tuyến:

Tối đa 30% tổng khối lượng của chương trình đào tạo được thực hiện bằng lớp học trực tuyến.

17.2 Các học phần tự chọn:

Sinh viên chọn các môn tự chọn theo các môn học đề xuất trong khung chương trình đào tạo.

17.3. Thay thế Khóa luận tốt nghiệp: Trường hợp sinh viên không thực hiện học phần Khóa luận tốt nghiệp, nhóm các môn học thay thế phải có tổng số 09 tín chỉ.

17.4. Các học phần Giáo dục thể chất, Giáo dục Quốc phòng: Là điều kiện để xét công nhận tốt nghiệp (có chứng chỉ hoàn thành), không được sử dụng để tính điểm trung bình chung tích lũy)

17.5. Các môn học tiếng Anh: Không thiết kế các học phần tiếng Anh căn bản vào Chương trình đào tạo. Anh văn chuyên ngành gồm 01 học phần với tổng số 03 đơn vị tín chỉ.

17.6.Chuẩn tiếng Anh và Tin học:

+ **Điều kiện để học học phần Tin học ứng dụng:** Sinh viên phải có Chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản (hoặc các chứng chỉ khác tương đương theo thông báo của Trường) trở lên, hoặc đạt yêu cầu trong kỳ kiểm tra trình độ Tin học đầu khóa do Trường tổ chức. Sinh viên thực hiện nộp các chứng chỉ để chứng minh trình độ tin học theo thông báo của Trường.

+ **Chuẩn Tin học đầu ra:** Sinh viên phải có Chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin nâng cao (hoặc các chứng chỉ khác tương đương theo thông báo của Trường). Sinh viên thực hiện nộp các chứng chỉ để chứng minh trình độ tin học theo thông báo của Trường.

+ **Điều kiện để học học phần tiếng Anh chuyên ngành:**

Sinh viên phải đạt điểm theo yêu cầu của Trường thông qua kỳ kiểm tra năng lực tiếng Anh đầu khóa, hoặc các điểm tiếng Anh quốc tế tương đương A2 (TOEIC 350, IELTS 3.5 ...). Sinh viên thực hiện nộp các chứng chỉ/chứng chận để chứng minh trình độ ngoại ngữ theo thông báo của Trường.

+ **Chuẩn ngoại ngữ đầu ra**

Sinh viên phải đạt chuẩn đầu ra trình độ tiếng Anh tối thiểu ở bậc 3/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, hoặc có chứng chỉ tiếng Anh quốc tế tương đương theo danh mục Trường thông báo; sinh viên thực hiện nộp các chứng chỉ/chứng chận để chứng minh trình độ ngoại ngữ theo thông báo của Trường.

- Danh sách giảng viên tham gia giảng dạy trong chương trình đào tạo được Hiệu trưởng phê duyệt theo từng năm học.
- Danh sách giảng viên tham gia giảng dạy trong chương trình đào tạo được Hiệu trưởng phê duyệt theo từng năm học.

STT	Họ và tên	Năm tuyển dụng	Chức danh khoa học	Chuyên môn đào tạo
1	Nguyễn Tuấn Đạt	01/04/2023	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh
2	Nguyễn Sơn Tùng	15/03/2023	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh

3	Nguyễn Phương Tường Lan	01/12/2020	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh
4	Đoàn Thị Cẩm Thư	01/03/2022	Thạc sĩ	Tài chính - Ngân hàng
5	Dương Thị Bình	20/11/2020	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh
6	Nguyễn Thị Thanh	01/04/2023	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh
7	Võ Thị Thanh Lâm	15/07/2020	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh
8	Lê Đình Luân	01/11/2011	Thạc sĩ	Tài chính - Ngân hàng
9	Nguyễn Như Lân	01/09/2022	Tiến sĩ	Toán giải tích
10	Đoàn Thị Hồng Minh	26/11/2020	Thạc sĩ	Tài chính - Ngân hàng
11	Đỗ Thiện Minh	01/12/2020	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh
12	Liêu Cập Phủ	01/08/2011	Thạc sĩ	Tài chính ngân hàng
13	Lê Nguyên Hoàng	14/10/2020	Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh
14	Trần Thiên Kỷ	15/10/2021	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh
15	Đoàn Thị Thanh Hằng	01/12/2020	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh
16	Nguyễn Duy Thanh	01/01/2019	Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh
17	Đoàn Võ Việt	26/11/2020	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh
18	Trần Ngọc Thiện Thy	01/02/2012	Tiến sĩ	Kinh tế tài chính và kinh doanh
19	Đặng Trương Thanh Nhàn	01/05/2019	Tiến sĩ	Quản trị

20	Nguyễn Văn Thích	01/04/2017	Tiến sĩ	Marketing và quản lý
21	Phạm Thị Hoa	01/02/2012	Tiến sĩ	Marketing
22	Nguyễn Thị Duyên	31/12/2020	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh
23	Trần Văn Đạt	01/06/2015	PGS.TS	Quản trị Công nghiệp và Kinh doanh
24	Nguyễn Thị Thục Đoan	11/01/2005	Tiến sĩ	Chính sách kinh tế và quản lý
25	Nguyễn Thị Ngọc Nga	31/12/2020	Tiến sĩ	Kinh tế
26	Hoàng Thị Thanh Hằng	26/11/2020	PGS.TS	Tài chính - Ngân hàng
27	Tô Thị Phương Lan	01/05/2020	Thạc sĩ	Tài chính - Ngân hàng
28	Trịnh Hoàng Nam	01/10/2005	Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh
29	Phạm Thanh An	26/11/2020	Thạc sĩ	Tin học
30	Nguyễn Văn Thụy	31/12/2020	PGS.TS	Quản trị kinh doanh
31	Phạm Hương Diên	31/12/2020	Tiến sĩ	Kinh tế
32	Nguyễn Thị Thanh Bình	20/11/2020	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh
33	Huỳnh Thị Ngọc Anh	31/12/2020	Tiến sĩ	Kế toán
34	Lê Minh Hoàng Long	01/08/2016	Thạc sĩ	Kinh doanh
35	Trương Đình Thái	01/09/2012	Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh
36	Võ Thị Ngọc Linh	01/05/2020	Thạc sĩ	Tài chính - Ngân hàng

37	Nguyễn Thị Phương Thảo	20/11/2020	Thạc sĩ	Tài chính - Ngân hàng
38	Nguyễn Minh Tuấn	01/11/2022	Tiến sĩ	Khoa học kỹ thuật
39	Nguyễn Kim Nam	01/01/2022	Tiến sĩ	Quản trị
40	Ngô Thị Xuân Bình	31/12/2020	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh
41	Lê Thị Thanh Kiều	26/11/2020	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh
42	Lê Ngọc Thắng	31/12/2020	Thạc sĩ	Kinh doanh và quản lý
43	Nguyễn Mạnh Toàn	15/03/2023	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh
44	Nguyễn Thị Anh Thy	01/11/2012	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh
45	Phan Thị Cẩm Lai	01/11/2021	Tiến sĩ	Lịch sử Việt Nam
46	Bùi Đức Sinh	01/06/2020	Tiến sĩ	Du lịch sinh thái du lịch bền vững
47	Nguyễn Văn Tiến	31/12/2020	PGS.TS	Quản trị kinh doanh
48	Trần Thị Ngọc Quỳnh	31/12/2020	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh
49	Nguyễn Thị Mỹ Yên	01/12/2020	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh
50	Nguyễn Thanh Nam	20/11/2020	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh
51	Nguyễn Minh Tuấn	16/02/2020	PGS.TS	Kinh tế
52	Nguyễn Thị Tố Uyên	15/03/2023	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh
53	Nguyễn Phương Thảo	31/12/2020	Thạc sĩ	Tài chính - Ngân hàng

54	Phạm Hà Trung	26/11/2020	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh
55	Nguyễn Phước Hòa	20/11/2020	Thạc sĩ	Tài chính - Ngân hàng
56	Nguyễn Thị Cẩm Phú	20/11/2020	Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh
57	Trần Hải Vân	01/09/2021	Tiến sĩ	Khoa học Quản trị
58	Nguyễn Văn Đạt	01/10/2022	Tiến sĩ	Kinh doanh và quản lý
59	Nguyễn Thị Hương Thủy	01/08/2010	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh
60	Nguyễn Bá Huy	01/04/2023	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh
61	Cảnh Chí Hoàng	01/03/2023	Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh
62	Vũ Đức Thịnh	01/04/2023	Tiến sĩ	Toán ứng dụng
63	Trần Dục Thức	31/12/2020	Tiến sĩ	Kinh tế học và quản lý nền kinh tế quốc dân
64	Lữ Hữu Chí	01/11/2022	Thạc sĩ	Tài chính - Ngân hàng
65	Nguyễn Văn Tài	01/02/2022	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh
66	Dương Văn Bôn	31/12/2020	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh
67	Nguyễn Ngọc Minh	20/11/2020	Thạc sĩ	Quản lý giáo dục
68	Lê Thị Phượng Liên	31/12/2020	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh
69	Đinh Đức Hiền	01/12/2020	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh
70	Nguyễn Anh Tú	09/01/2015	Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh

71	Nguyễn Lan Anh	1/8/2023	Tiến sĩ	QTKD
72	Nguyễn Trọng Hưng	15/8/2023	Tiến sĩ	Hệ thống công nghiệp

DUYỆT CỦA HIỆU TRƯỞNG

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGÂN HÀNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

PGS.,TS. Nguyễn Đức Trung

KHOA PHỤ TRÁCH CTĐT
TRƯỞNG KHOA

Nguyễn Văn Sến